

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France

Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de la publication: Nguyễn Văn Huy

ISSN 1145-9557 - Số 239 - Năm thứ 22, tháng 09-2009

Liên lạc : *Hộp thư Thông Luận (internet) : htth.thongluan.org*

Mua báo : Nguyễn Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77155 Segnes, France.



Thông Luận

Cán cân lực lượng bắt đầu lệch về phía khác

Ít khi mà nhiều sự việc khác nhau có cùng một ý nghĩa như trong lúc này.

Tại Đồng Hới, Quảng Bình, giáo dân Tam Tòa cầu nguyện trước phế tích nhà thờ cũ bấy tỏ nguyện vọng được xây dựng lại ngôi nhà thờ lịch sử này. Họ bị một đám đông do chính quyền điều động tới hành hung. Hàng triệu người công giáo biểu tình hiệp thông với họ trên cả nước.

Tại Bảo Lộc, 400 tu sĩ và cư sĩ thuộc hệ phái Tiếp Hiện bị những đám đông hung dữ, cũng do công an điều động tới, tự xưng là Phật Tử đến bao vây chùa hăm dọa, phá phách, phong tỏa mọi tiếp liệu và ném đồ dơ bẩn vào chùa.

Người ta cũng chưa quên vụ Thái Hà và nhiều vụ công an dùng bọ dậu giấu hành hung những người dân chủ. Tất cả những hành động ném đá giấu tay này đã không che mắt được ai, chúng chỉ hạ phẩm giá của chính quyền cộng sản xuống ngang hàng với bọn đạo tặc.

Trong cùng thời điểm, bốn ủy viên thường vụ đảng Dân Chủ bị đưa lên truyền hình đọc lời nhận tội và xin khoan hồng. Đảng Dân Chủ bị làm nhục và bị khai tử. Có ai tin rằng các bị cáo đã tự nguyện nhận tội? Đây chỉ là trò hề rở tiền và thô bỉ của thời đại Hitler, Stalin, Mao mà người ta không thể ngờ còn được diễn lại. Chính quyền cộng sản tự lố bịch hóa và tự bôi bẩn.

Những diễn biến này đặc biệt có ý nghĩa. Giáo Hội Công Giáo Việt Nam cho tới một ngày rất gần đây đã cố nhân nhượng thay vì đương đầu với chính quyền cộng sản, chọn lựa này đã làm phiền lòng không ít những người đấu tranh cho dân chủ và ngay cả một số đáng kể những người công giáo. Giáo hội sau cùng đã chọn đương đầu bởi vì, một mặt, họ đã thấy không thể mong đợi gì ở chính sách "xin - cho" nơi một chính quyền độc tài vừa quá tham lam vừa quá thiển cận và, mặt khác, quan trọng hơn, họ đã thấy từ nay có thể đương đầu vì tình thế đã thay đổi. Giáo hội đã chọn cách đương đầu ôn hòa bằng lời cầu nguyện, nhưng lời cầu nguyện đôi khi có sức mạnh hơn cả bạo lực.

Không quan trọng bằng nhưng ý nghĩa hơn là vụ chùa Bát Nhã. Thiến sư Nhất Hạnh và phái Tiếp Hiện của ông rõ ràng đã chủ trương thân thiện với chính quyền cộng sản để truyền đạo

và đã bị phê phán nhiều vì thái độ này. Nhưng rồi họ cũng vẫn bị đàn áp. Phải hiểu là đảng cộng sản nghĩ rằng bất cứ một kết hợp nào của xã hội dân sự cuối cùng cũng sẽ chống lại họ. Làm sao một chế độ có thể tồn tại được với một tâm lý bi quan như vậy?

Ý nghĩa hơn nữa là thái độ thô bạo đối với đảng Dân Chủ. Đảng Dân Chủ không phải là một tổ chức đối lập bình thường. Một bộ phận công an chính trị đã lợi dụng lúc ông Hoàng Minh Chính đã hoàn toàn suy kiệt và đang vật vã với cái chết để lạm dụng tên ông "phục hoạt" đảng Dân Chủ, một đảng cuối do đảng cộng sản lập ra năm 1946 để đánh lừa dư luận. Động từ "phục hoạt" tự nó đã nói lên tất cả: "đảng Dân Chủ mới" chỉ có sứ mạng của đảng Dân Chủ trước đây, nghĩa là làm đồ trang sức cho chế độ và đánh lạc hướng đối lập dân chủ. Vậy mà cuối cùng đảng cộng sản vẫn phải dẹp nó như đã từng dẹp đảng Dân Chủ cũ năm 1989. Cùng một giải thích: năm 1989 bức tường Berlin sụp đổ và khối cộng sản tan rã, chế độ cộng sản Việt Nam chao đảo, các lực lượng tâm trong đảng rất lớn và những đảng cuối như đảng Dân Chủ và đảng Xã Hội lúc đó cũng có thể trở thành những tụ điểm ly khai. Cùng một tâm lý đã đưa đến quyết định dẹp bỏ "đảng Dân Chủ phục hoạt" hiện nay.

Đảng cộng sản đã mất hết tự tin. Nó không tin có thể thỏa hiệp được với một thành phần dân tộc nào, thỏa hiệp chỉ kích thích những đòi hỏi mới. Nó cho rằng mọi kết hợp của xã hội dân sự, dù hiền lành tới đâu, cuối cùng cũng sẽ chống lại nó. Và ngay cả một đảng cuối do chính nó dựng lên cũng sẽ trở thành một mối nguy.

Với tâm lý tuyệt vọng đó thì dù có một lực lượng công an hùng hậu và nhiều tỷ đô-la, đảng cộng sản cũng sẽ thất bại chắc chắn, bởi vì nó đã mang sự thất bại ở trong lòng.

Lý do của tâm lý tuyệt vọng này là một tiến trình đã chín muồi. Trong 35 năm qua đã diễn ra một cuộc giằng co giữa một bên là xã hội Việt Nam cố vùng vẫy để tự cởi trói và một bên là đảng cộng sản cố duy trì chế độ độc tài toàn trị. Cán cân lực lượng đã không ngừng thay đổi, và đảng cộng sản đã nhận ra là nó bắt đầu lệch về phía khác.

Thông Luận

Một chế độ cộng hòa xã hội đen?

Nguyễn Gia Kiểng

Họ hành xử như một tập thể riêng, ở ngoài và ở trên dân tộc Việt Nam. Họ không do nhân dân bầu ra, họ là một lực lượng chiếm đóng. Họ không quan tâm tới lịch sử Việt Nam, họ có lịch sử Đảng. Họ không cần người Việt Nam đoàn kết, trái lại họ muốn người Việt Nam chia rẽ và thù ghét nhau để họ dễ thống trị. Đối với họ, cái trở thành của nước Việt Nam không phải là điều quan trọng, điều quan trọng là họ vẫn cầm quyền.

(...) Đảng cộng sản muốn thi hành chính sách khủng bố nhưng lại không có được một điều kiện nào trong những điều kiện cần có của một chính sách khủng bố. Nó chỉ đào huyệt tự chôn mình.

Việc chính quyền cộng sản đàn áp các tín đồ công giáo tại giáo xứ Tam Tòa đã được thông tin và bình luận khá nhiều. Tuy nhiên có hai điểm cần được đặc biệt lưu ý.

Điểm thứ nhất là đảng cộng sản hoàn toàn không biểu lộ một sự hiểu biết hay quan tâm nào đối với lịch sử.

Nhà thờ Tam Tòa tuy chỉ được xây cất một cách bề thế năm 1940 nhưng có giá trị lịch sử rất lớn đối với người công giáo. Tam Tòa là một trong những họ đạo đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, ngay từ đầu thế kỷ 17, và đã chứng kiến những trang sử bi đát nhất của Công Giáo Việt Nam : những đợt cấm đạo từ thời các chúa Nguyễn đến các triều vua Minh Mệnh và Tự Đức, những đợt tấn công của phong trào Cần Vương - Văn Thân và của một phần dân chúng các làng bên bị kích động. Máu người công giáo đã đổ nhiều, đã có những thánh tử đạo. Trong số giáo dân Tam Tòa đầu tiên, có những người đã được rửa tội bởi linh mục Đắc Lộ (Alexandre de Rhodes), người đã có đóng góp văn hóa quan trọng nhất cho nước ta : chữ Quốc Ngữ.

Nỗi đau của người công giáo tại đây càng lớn khi năm 1954, sau hiệp định Genève, tất cả giáo dân, trừ một phụ nữ có chồng ngoại đạo, phải bỏ giáo xứ để di cư vào Nam, bỏ lại nhà thờ thân thương cùng tài sản và mồ mả tổ tiên của họ, vì biết không sống được dưới chế độ cộng sản trong một bối cảnh địa phương đầy thù ghét. Nhà thờ Tam Tòa trở thành nhà kho và từ năm 1968 hoàn toàn hoang phế sau khi bị máy bay Mỹ ném bom phá hủy, chỉ còn lại mặt tiền.

Tam Tòa là một phần lịch sử đau thương và một đất thiêng đối với người công giáo. Lòng tha thiết với đất cũ và nhà thờ cũ vẫn còn nguyên vẹn nên sau khi đất nước thống nhất, giáo dân dần dần trở lại và giáo xứ Tam Tòa ngày nay đã có gần một ngàn tín đồ.

Nếu có những nơi nào trên đất nước Việt Nam mà cố gắng hòa giải dân tộc phải được thực hiện một cách nhiệt thành và quả quyết nhất thì Tam Tòa là một, đặc biệt đối với Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tại đây, sau Cách Mạng Tháng 8, họ đã khủng bố người công giáo và kích thích tinh thần bài Công Giáo đến độ toàn bộ giáo dân phải bỏ vào Nam năm 1954. Những gì vừa xảy ra chứng tỏ họ hoàn toàn không thay đổi và vẫn làm ngược hẳn với những gì đáng lẽ phải làm. Họ liên

tục từ chối thỉnh cầu của giáo dân là được xây lại một nhà nguyện cạnh phế tích của nhà thờ Tam Tòa cũ, viện cớ là phế tích này phải được giữ nguyên để làm chứng tích cho tội ác của Mỹ trong chiến tranh. Đây chỉ là một lý cớ lố mắng bởi vì phế tích nhà thờ Tam Tòa hoàn toàn không được bảo trì, nó bị bỏ hoang giữa một đám cỏ dại.

Ngày 20-7 vừa qua, khi giáo dân Tam Tòa tập trung cầu nguyện trước nhà thờ cũ, họ đã bị công an hành hung và giải tán một cách thô bạo. Ngày 26-7, khi họ lại đến đây cầu nguyện và vào giữa lúc 250.000 giáo dân Quảng Bình và hàng triệu giáo dân cả nước hướng về họ và cầu nguyện cho họ, sự thô bỉ của chính quyền cộng sản đã đạt một mức độ mới. Nhiều phần tử côn đồ được huy động tới để đánh đập giáo dân, làm nhiều người bị thương trước sự chứng kiến của công an. Chiều hôm đó, một phái đoàn linh mục và giáo dân tới thăm tín hữu Tam Tòa cũng bị bọn côn đồ này tấn công đá thương nhiều người, trong đó có linh mục Nguyễn Đình Phú. Phái đoàn phải bỏ chạy. Tệ hơn nữa là cách chính quyền đối xử với linh mục Ngô Thế Bính, đại diện Tòa Tổng Giám Mục Vinh, khi ông tới trạm y tế thăm linh mục Nguyễn Đình Phú và các giáo dân bị đá thương. Linh mục Bính đã nhờ phó chủ tịch tỉnh Quảng Bình là Nguyễn Công Thuận dẫn vào vì trạm



cứu thương đang bị hàng trăm người hung hăng mang gậy gộc bao quanh, nhưng Nguyễn Công Thuận đã dẫn linh mục Bính tới đó rồi bỏ đi ngay để cho bọn côn đồ xông thẳng vào trạm đánh ông Bính. Chẳng khác gì Thuận giao linh mục Bính cho bọn côn đồ.

Cần lưu ý là trong số hung thủ đánh đập giáo dân chỉ có một thiểu số là bọn đầu gấu thực sự. Ở một vùng thôn quê trong tỉnh Quảng Bình nghèo nhất nước không thể có một số lượng đầu gấu chuyên nghiệp đông đảo như vậy ; phần lớn là những người dân nông cạn đã được kích động để thù ghét người công giáo. Họ cũng đã được rỉ tai rằng người công giáo sắp kéo về đây để đòi đất của họ.

Chế độ cộng sản đã đưa dân chúng địa phương trở lại giai đoạn đen tối hơn một thế kỷ trước khi người Việt Nam đã đại đột để bị xúi dục tàn sát đồng bào mình vì lý do tôn giáo. Phong trào Nho Giáo tôn quân Văn Thân - Cần Vương ra đời với chủ trương dữ dằn "Bình Tây Sát Tả" (chống Pháp, giết

công giáo). Trong thực tế, phong trào này đã sát tả nhiều hơn là bình tây, họ đã đánh phá hàng ngàn họ đạo, giết hại hàng chục ngàn giáo dân và để lại những đổ vỡ khó hàn gắn. Tuy vậy, cho tới một ngày gần đây, hành động của họ không bị lên án đúng mức, trái lại nói chung họ còn được tôn vinh như là hiện thân của chí khí dân tộc. Chính vì thế dù phong trào Văn Thân - Cần Vương đã tan rã nhanh chóng ảnh hưởng của nó vẫn còn kéo dài và tạo ra tại nhiều địa phương một số người thù ghét một cách dai dẳng đạo Công Giáo. Văn Thân và Cần Vương chủ yếu là những phong trào địa phương và giáo sư Tam Tòa nằm trong một trong những địa phương này.

Như tất cả những xung đột đẫm máu có nguyên nhân từ văn hóa, vấn đề cần được nhìn một cách bình tĩnh và thận trọng. Có những mù quáng phải bị lên án dứt khoát nhưng cũng có những hiểu lầm và vụng về. Và cũng có những hoàn cảnh đưa đến hiểu lầm và vụng về. Không phải tất cả mọi lãnh tụ Văn Thân



và Cần Vương đều chủ trương "sát tả" nhưng họ đã không thuyết phục được phong trào. Ngược lại người Công Giáo khi bị tấn công đã tự vệ và cũng gây thương vong cho những người tấn công họ. Họ cũng đã ít nhiều phải nhờ đến sự che chở của người Pháp, sự kiện này lại càng tạo lý do cho những người cáo buộc họ là "theo Tây", thậm chí cho rằng đạo Công Giáo được người Pháp đem vào Việt Nam làm dụng cụ xâm lược mặc dù nó đã có mặt tại Việt Nam ba thế kỷ trước và đã bị bách hại rất lâu trước khi Pháp bắt đầu dòm ngó Việt Nam. Các vua Minh Mệnh và Tự Đức khi ra chiếu cấm đạo cũng chỉ coi họ là theo một tà giáo chứ không hề buộc tội họ tiếp tay cho quân Pháp. Tuyệt đại đa số sĩ phu Việt Nam lúc đó chẳng biết gì về thế giới bên ngoài, các Văn Thân coi đạo Công Giáo như là đạo của chính quyền Pháp trong khi nước Pháp vừa trải qua cuộc cách mạng 1789 trong đó giáo hội Công Giáo đã bị đàn áp một cách đẫm máu trên cả nước và sau đó bị gạt hẳn khỏi chính quyền.

Việc các vua chúa Việt Nam cấm đạo và kêu gọi chống đạo có lý do của nó. Đó là vì đức tin Thiên Chúa Giáo phân biệt thượng đế và vua, do đó đe dọa nền tảng chính đáng của chế độ quân quyền theo đó vua cũng là trời. Đức tin này không hề xúc phạm đến dân tộc Việt Nam mà còn phải được tán thành, đáng tiếc là một số giáo sĩ trong lúc truyền giáo đã bài xích những tín ngưỡng cổ truyền của Việt Nam như việc thờ cúng tổ tiên, thậm chí đôi khi ngay cả Phật Giáo, đóng góp tạo ra tâm lý bài Công Giáo trong quần chúng. Đã thế, sau khi người Pháp áp đặt sự đô hộ Công Giáo lại được ưu đãi, càng gây bức bối cho nhiều người. Nhân và quả lẫn lộn với nhau tùy người nhìn, và trên hết là sự thiếu hiểu biết. Đố kỵ lương - giáo sau đó đã được khai thác cho những mục tiêu chính trị; một trong những thủ phạm chính là Đảng Cộng Sản.

Tình trạng phức tạp này có khi tạo ra những trường hợp rất nghịch lý. Phong trào Văn Thân - Cần Vương là một phong trào Nho Giáo, mà Nho Giáo bài xích Phật Giáo về bản chất, nhưng nhiều người phật giáo, kể cả một số tăng sĩ, cũng ủng

hộ nó và coi sự thù ghét đạo Công Giáo như một lẽ tự nhiên, và tiếp tục nuôi dưỡng một tâm lý tối tệ. Thích Trí Quang là một thí dụ. Ngược lại những hiểm khích mà họ đã là đối tượng cũng tạo ra nơi một số đáng kể người công giáo mặc cảm cô lập và tâm lý co cụm, tự coi mình là người công giáo trước khi là người Việt Nam. Hóa giải những xung khắc trong quá khứ và bình thường hóa chỗ đứng của người công giáo trong lòng dân tộc là một vấn đề còn đòi hỏi cố gắng và thời gian, nhưng là điều phải làm đối với một chính quyền đúng nghĩa. Đảng cộng sản đã làm ngược lại. Họ đã kích thích sự thù ghét

đối với người công giáo của một số người nông cạn, nạn nhân của sự tuyên truyền dối trá của chính họ, để dùng những người này tấn công giáo dân. Chính sách trị an của đảng cộng sản rõ ràng là dựng thành phần dân tộc này chống lại thành phần dân tộc khác. Vụ chùa Bát Nhã trên Tây Nguyên cũng nằm trong cùng một chính sách, điều khác là ở đây một thành phần phật tử được điều động để chống

lại một thành phần phật tử khác.

Giải quyết những vấn đề mà lịch sử để lại để đoàn kết người Việt Nam trong đồng thuận xây dựng và chia sẻ một tương lai chung không phải là quan tâm của đảng cộng sản. Họ hành xử như một tập thể riêng, ở ngoài và ở trên dân tộc Việt Nam. Họ không do nhân dân bầu ra, họ là một lực lượng chiếm đóng. Họ không quan tâm tới lịch sử Việt Nam, họ có lịch sử Đảng. Họ không cần người Việt Nam đoàn kết, trái lại họ muốn người Việt Nam chia rẽ và thù ghét nhau để họ dễ thống trị. Đối với họ cái trở thành của nước Việt Nam không phải là điều quan trọng, điều quan trọng là họ vẫn cầm quyền.

Về bản chất đảng cộng sản không phải là một lực lượng dân tộc. Chủ nghĩa Mác-Lênin không có tổ quốc, nó chủ trương xóa bỏ các quốc gia - Hoàng Sa thuộc về Trung Quốc còn hơn là thuộc Việt Nam Cộng Hoà vì Bắc Kinh là anh em, Sài Gòn là thù địch. Tiếng gọi đấu tranh giai cấp là tiếng gọi nội chiến, Lenin coi nội chiến là nền tảng của cách mạng vô sản. Tuy vậy những gì xảy ra tại Thái Hà, Tam Tòa, Bảo Lộc, và chắc sẽ còn ở nhiều nơi khác nữa, vẫn làm người ta ngạc nhiên. Đảng cộng sản đã cầm quyền trên cả nước gần 35 năm rồi và chủ nghĩa cộng sản đã sụp đổ. Để tồn tại đáng lẽ nó phải cố gắng hóa thân thành một đảng dân tộc. Các cấp lãnh đạo cộng sản chắc chắn cũng phải hiểu như vậy. Nhưng tại sao họ làm ngược lại? Phải chăng họ cho rằng đã quá trễ để hòa giải với dân tộc Việt Nam và chọn lựa thực tiễn duy nhất chỉ là kéo dài chế độ thêm được ngày nào hay ngày đó bằng mọi phương tiện? Đã tầm đến từ tâm lý tuyệt vọng.

Điểm quan trọng thứ hai là hiện tượng đầu gấu hóa chính quyền.

Chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đang hóa thân thành một chế độ cộng hòa xã hội đen. Hiện tượng này bắt đầu trong vụ xử Nguyễn Vũ Bình cuối năm 2002. Hình như đó là lần đầu tiên chính quyền cộng sản sử dụng bọn đầu gấu để hành hung gia đình và thân hữu của một người

đổi lập. Ngay sau đó, qua điện thoại ông Hoàng Minh Chính đã bày tỏ với tôi sự ngạc nhiên và phẫn nộ, nhiều người bị đánh, chính ông dù già cả cũng đã bị xô đẩy. Kế tiếp là những vụ hành hung lẽ tẻ đối với dân oan khiếu kiện. Biện pháp sử dụng bọn xã hội đen hành hung những người chống đối trở thành thông lệ từ năm 2005. Ông Hoàng Minh Chính bị đám "quần chúng phẫn nộ" xô đẩy, xỉ vả và ném đồ bẩn vào nhà khi ông trở lại Hà Nội sau chuyến đi Mỹ. Rồi Phạm Hồng Sơn bị đánh; rồi đến lượt Nguyễn Phương Anh, Phạm Văn Trội, Phạm Đức Chính, Ngô Quỳnh khi đến Hữu Lũng, Lạng Sơn, thăm Vi Đức Hồi. Sau đó là cô Phạm Thanh Nghiên ở Hải Phòng. Cùng một kịch bản: công an chứng kiến bọn côn đồ đánh người đổi lập mà không can thiệp. Tuy vậy vẫn chỉ là những nhóm nhỏ trên dưới mười tên. Biện pháp trở thành qui mô từ năm 2008 với hàng trăm tên côn đồ được điều động đến khiêu khích và hành hung giáo dân cầu nguyện đòi lại đất ở xứ Thái Hà. Dù sao cũng vẫn chỉ có bọn lưu manh.

Với vụ Tam Tòa và chùa Bát Nhã, một yếu tố mới xuất hiện: ngoài bọn đầu gấu chính quyền còn kích động một thành phần dân tộc chống lại một thành phần khác. Cần lưu ý là ngay cả báo chí nhà nước cũng được đầu gấu hóa để trắng trợn loan tin ngược hẳn với sự thực.

Thí dụ như báo *Dân Trí* loan tin: "*Sáng 27 Tháng Bảy, khi nhân dân Đồng Mỹ đang dọn dẹp vệ sinh quanh khu vực tháp chuông đã bị một nhóm đối tượng đi trên 5 xe ô tô bất ngờ dùng gạch đá ném rồi lên xe bỏ chạy*".

Những lần trước nhà cầm quyền cộng sản chỉ cho bọn đầu gấu hành hung rồi báo chí không loan tin, coi như không có gì xảy ra. Lần này họ còn ra lệnh cho báo chí nhà nước loan tin đối trá. Việc sử dụng các băng đảng xã hội đen được nâng lên thành một chính sách phối hợp an ninh và tuyên truyền. Phải nói ngay rằng việc sử dụng báo chí ở đây không chỉ thô鄙 mà còn là một sai lầm lớn. Ai cũng biết là bọn đầu gấu - đầu gấu chuyên nghiệp cũng như những thường dân nông cạn bị đầu gấu hóa - là một dụng cụ của chính quyền, nhưng ít ra chính quyền không nhìn nhận. Với sự yểm trợ của báo đảng, chính quyền đã tự gõ mặt nạ.

Nhưng chính sách trị an đầu gấu là gì? Nó là lời thú nhận không còn đối thoại được với nhân dân nữa, vì không còn gì hợp lý để đề nghị nhưng cũng không thể dùng bạo lực chính thức. Chính quyền cộng sản Việt Nam ngày nay đã khá lệ thuộc dư luận thế giới để có thể đem công an trắng trợn đàn áp những người dân đang cầu nguyện. Họ đã chọn giải pháp dùng bọn đầu gấu để ném đá giấu tay. Nhưng đây cũng chỉ là hành động tự sát. Nhân dân Việt Nam đã tức khắc nhìn ra bàn tay của Đảng và thế giới cũng đã nhận ra bàn tay của Đảng. Còn tệ hơn là dùng ngay công an. Thay vì bị lên án như một chính quyền hung bạo, họ bị lên án như một chính quyền gian ác và đạo tặc. Chân dung của các vị lãnh đạo Đảng và Nhà Nước trước thế giới, đặc biệt là trong các chuyến công du, sẽ rất lộng lẫy.

Chính sách này sẽ đưa đảng cộng sản về đâu? Đừng quên

rằng mọi chính quyền cộng sản đều đặt nền tảng trên khủng bố; khi không thể khủng bố nó sụp đổ. Robespierre, lý thuyết gia đầu tiên của chủ nghĩa khủng bố để lại một câu nói trứ danh: "hai cột trụ chính quyền cách mạng là đức hạnh và khủng bố, không có đức hạnh thì khủng bố chỉ là đen độc, không có khủng bố thì đức hạnh cũng bất lực". Đức hạnh để được kính nể và không bị chống đối, khủng bố để tiêu diệt những chống đối còn lại. Lenin cũng đồng ý với Robespierre, ông chỉ thay thế cái đức hạnh lý tưởng và đam mê của Robespierre bằng cái "đạo đức cách mạng" bịa đặt và áp đặt của Đảng.

Nhưng muốn như thế thì phải dập tắt mọi tiếng nói. Sự đối trá sẽ vô duyên và vô dụng nếu nó không có độc quyền. Mọi tiếng nói, trừ tiếng nói của Đảng, phải im bật, mọi ý chí phải bị dập tan, mọi người đều phải là những thằng hèn. Sự khống chế tư tưởng phải tuyệt đối. Khống chế tư tưởng để triệt tiêu mọi ý định chống đối, đàn áp để tiêu diệt những chống đối còn lại. Bung bít và bịt miệng là vũ khí cơ bản của các chế độ khủng bố cộng sản, phát xít và nazi.

Và cũng có hai điều kiện bắt buộc để chính sách khủng bố có thể thành công. Một là, một chính quyền chỉ có thể thi hành chính sách khủng bố đối với xã hội nếu cùng một lúc nó cũng thi

hành khủng bố một cách dữ dội hơn ngay trong nội bộ. Đạo phủ của các chế độ bạo ngược thường xuất phát từ trong lòng chế độ. Stalin đã hành quyết hơn 80% thành viên của ban chấp hành trung ương đã bầu ông vào chức tổng bí thư, Robespierre đã đưa lên máy chém gần hết thành viên của Directoire (Ban lãnh đạo). Hai là, khủng bố phải thật dữ tợn để gây kinh hoàng, và phải thật giản đơn để mọi người đều thấy mình có thể là nạn nhân bất cứ lúc nào, và sống trong lo sợ. Giết lầm hơn tha lầm, khủng bố nửa vời là tự sát.

Tình trạng hiện nay của Đảng Cộng Sản Việt Nam là nó không còn khả năng bung bít, cả nước và cả thế giới biết những gì xảy ra sau một vài giờ. Nó cũng không còn kỷ luật nội bộ và cũng không có hy vọng tìm ra một người lãnh đạo đủ uy tín để áp đặt một kỷ luật nội bộ tối thiểu, nói gì tới khủng bố nội bộ. Những bản án tù vài năm chẳng gây kinh hoàng cho ai, trừ những phần tử yếu bóng vía dằng nào cũng không phải là những người đổi lập đáng lo ngại, mà chỉ kích thích sự chống đối. Những vụ bạo hành của bọn đầu gấu sẽ chỉ có tác dụng đổ dầu vào lửa.

Đảng Cộng Sản Việt Nam muốn thi hành chính sách khủng bố nhưng lại không có được một điều kiện nào trong những điều kiện cần có của một chính sách khủng bố. Nó chỉ đào huyệt tự chôn mình. Và khi sự kiện Đảng đang đào hố chôn mình đã rõ rệt thì tự nhiên ngay trong nội bộ Đảng cũng sẽ có những người nhận ra là phải hành động để tự cứu mình. Phương pháp biện chứng, mà chủ nghĩa cộng sản lấy làm nền tảng của lý luận, cho rằng có một thời điểm mà lượng biến thành chất, mà những mâu thuẫn đã tích lũy đủ để làm bùng ra một một thay đổi toàn bộ, tiếng Việt nói là tức nước vỡ bờ. Thời điểm này đã gần kề.

Nhưng gần kề là bao lâu? Ấn số lớn nhất là trí thức Việt Nam. Quần chúng đã chín muồi cho một thay đổi chế độ. Nhưng quần chúng luôn luôn hành động theo trí thức, và trí thức Việt Nam lại có biệt tài làm lỡ các cơ hội. Do di sản văn hóa và lịch sử, và có lẽ vì tâm trí đã bị chấn thương sau quá nhiều đảo lộn và thảm kịch, trí thức Việt Nam luôn luôn lượn quanh thay vì đương đầu với khó khăn. Họ cầu mong những cơ hội nhưng lại không biết rằng một cơ hội chỉ là một cơ hội với những ai đã chuẩn bị sẵn sàng để chờ đợi nó. Và chuẩn bị có nghĩa là xây dựng tổ chức. Đấu tranh chính trị không bao giờ là đấu tranh cá nhân, nó luôn luôn là đấu tranh có tổ chức và tổ chức chỉ có thể là thành quả của những cố gắng thông minh và kiên trì trong nhiều năm, bắt đầu từ một tư tưởng chính trị hoàn chỉnh.

Cơ hội đã đến cuối thập niên 1970 khi đất nước suy sụp toàn diện và mọi người, kể cả đại bộ phận đảng viên cộng sản, vỡ mộng. Cơ hội lại đến cuối thập niên 1980 khi chủ nghĩa cộng sản sụp đổ và khối cộng sản tan vỡ. Chúng đều bị bỏ lỡ.

Ngày hôm nay cơ hội để thay đổi lịch sử lại đến. Thế giới khủng hoảng và phải thay đổi. Một trật tự thế giới mới, kinh tế cũng như chính trị, phải ra đời thay thế cho trật tự cũ đã từng nuôi dưỡng mô hình Trung Quốc mà Đảng Cộng Sản Việt Nam đã bắt chước và nhờ vậy đã sống sót. Các mâu thuẫn tích lũy trong xã hội Việt Nam - tham nhũng, dân oan, tụt hậu, chênh lệch giàu nghèo - đã đến lúc phải giải quyết trong khi đảng cộng sản phân hóa và ung thối đến cùng độ. Đại hội 11 sẽ là đại hội của bế tắc toàn diện. Ban lãnh đạo xuất phát từ đại hội 11 sẽ chỉ gồm những con người mờ nhạt không thành tích, không uy tín, không khả năng và thiếu cả ý chí, lại phải giải quyết những vấn đề rất nghiêm trọng và cấp bách. Họ sẽ chẳng làm được gì và cũng chẳng lãnh đạo được ai. Và lại đảng cộng sản không còn là một chính đảng. Nó đã trở thành một giai cấp bóc lột. Và một giai cấp không bao giờ là một đội ngũ để có sức chiến đấu ngay cả khi nó rất giàu và có thừa phương tiện. Bằng cơ là nó đang tự đầu gấu hóa để trở thành một băng đảng. Nhưng đặc tính của những băng đảng là chúng chỉ qui tụ được một số rất ít người. Đảng cộng sản sẽ vỡ ra thành nhiều băng đảng xâu xé lẫn nhau và các đảng viên lương thiện sẽ bỏ đi. Bối cảnh hiện nay và sắp tới sẽ rất thuận lợi cho cuộc vận động dân chủ.

Thuận lợi nhưng cũng rất khẩn trương vì chính sự sống còn của đất nước đang bị đe dọa. Một quốc gia chỉ tồn tại được nếu còn có những con người lo lắng cho sự trở thành của nó. Nhưng hiện nay còn có bao nhiêu người quan tâm đến đất nước? Sự thất vọng kéo dài quá lâu với một chính quyền tham bạo đã biến thành sự thất vọng với chính đất nước. Trong khi đó chúng ta đang sống trong một thế giới mà ý niệm quốc gia đang bị xét lại gay gắt. Những quốc gia không được quan niệm như một không gian liên đới của những con người tự do tự nguyện xây dựng và chia sẻ với nhau một tương lai chung sẽ không còn lý do tồn tại. Chúng sẽ giải thể trong lòng người trước khi giải thể thực sự. Phải khẩn cấp chấm dứt chế độ cộng sản trước khi nó chấm dứt đất nước.

Nguyễn Gia Kiểng

LẠI CHUYỆN TAM TÒA !

Đúng 6h30 phút tôi cùng chiếc Honda rời Trung Tâm Thánh Mẫu Lavang để trở lại thăm giáo xứ Tam Tòa. Suốt chặng đường khoảng 110km, tôi cố gắng tưởng tượng khung cảnh ở giáo xứ Tam Tòa như thế nào. Tôi tưởng nghĩ chắc chính quyền cộng sản ở Quảng Bình sẽ mau chóng trả lại đất cho Tam Tòa thôi, vì dư luận cả trong và ngoài nước lên án dữ dội mà! Chẳng lẽ những người «cán bộ» có học vấn như thế mà không biết nhục và không biết đạo lý luân thường là thế nào nữa sao?



Khoảng chừng 8h30 phút, chiếc Honda đã đưa tôi rảo quanh nhà thờ Tam Tòa. Nhìn chung quanh nhà thờ, thấy có rất đông người, tôi tưởng nghĩ: Chẳng lẽ lại có Thánh Lễ sao? Như có kinh nghiệm những sự việc đã xảy ra lần trước, tôi chỉ rảo quanh để thăm dò thế nào đã, lỡ may lại bị "ai đó" dẫn đi thì nguy.

Cuối cùng tôi quan sát và hỏi thăm thì mới biết đó không phải là những người tham dự Thánh Lễ mà là những công nhân đang thực thi "công trình" dưới sự chỉ huy của các cán bộ công an tỉnh Quảng Bình. Nhìn thấy cảnh này, tôi lại liên tưởng đến vụ việc xảy ra với Thái Hà ở Hà Nội. Chẳng lẽ sau vụ Thái Hà mà "cha con" chưa bẽ mặt hổ người hay sao ???

Một công trình lại được gấp rút xây lên ở Quảng Bình như một bản copy của vụ Thái Hà ở Hà Nội. Thiết nghĩ đây là công trình để đánh dấu một tội ác, một tội ác hiện tại chứ không phải quá khứ, một công trình để con cháu họ nhớ rằng cha ông họ đã cướp được nhà thờ Tam Tòa từ tay các Linh mục và giáo dân ở nơi đây. Rồi không biết ngày mai đây, bên cạnh tòa tháp cổ kính của nhà thờ lại mọc thêm cái gì nữa đây?

Rồi tôi cũng chỉ thấy vậy vì không vào được gần, bởi lẽ đã có một hàng rào bảo vệ với tấm bảng lớn "Không phận sự miễn vào". Tôi chỉ zoom chiếc máy ảnh để chụp được mấy pô hình mà thôi, vì bảo vệ lại "mời" tôi đi với vẻ mặt hăm dọa.

Suốt chặng đường trở về, tôi cứ suy nghĩ rồi không biết đất nước mình sẽ phát triển tới đâu khi đây đó vẫn còn xảy ra những chuyện như thế, rồi đây thế giới sẽ nhìn đất nước mình với ánh mắt thế nào đây?

Tôi sẽ còn trở lại Tam Tòa để xem "chúng tích tội ác" được xây dựng như thế nào. Rồi mọi người sẽ biết như thế nào là sự thật về một công trình được xây dựng gấp rút, về một chế độ cai trị đất nước.

Phanxicô-Têrêxa
(1-9-2009)



Giang-Hồ, một liên minh quyền lực nội bộ đáng quan ngại

Nguyễn Minh

Chuyến viếng thăm Đài Loan của vị Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama) thứ 14, trong suốt một tuần, từ 30-8 đến 5-9-2009, đã làm Bắc Kinh nổi giận... trong bất lực.

Không riêng gì Bắc Kinh, chuyến viếng thăm này cũng gây nhiều tranh cãi trong dư luận và nội bộ chính quyền Đài Loan. Những người Đài Loan thân Hoa Lục và nhiều tổ chức tôn giáo khác chỉ trích chuyến viếng thăm này hoàn toàn vì mục đích chính trị. Trong khi trước đó chính quyền quốc dân đảng của tổng thống Mã Anh Cửu, muốn duy trì tốt quan hệ giữa hai nước Trung Hoa, đã gọi một đặc sứ sang Bắc Kinh loan báo tin này. Bắc Kinh tố cáo Đạt Lai Lạt Ma là người cổ vũ khuynh hướng ly khai Tây Tạng khỏi lãnh thổ Trung Quốc.

Trong thực tế, tổng thống Mã Anh Cửu, bị áp lực phe đối lập và nhiều đảng viên quốc dân đảng, đã chính thức mời vị lãnh tụ tinh thần người Tây Tạng sang Đài Loan cầu siêu cho nạn nhân trận bão Morakot làm 461 người thiệt mạng và 192 người mất tích tại thị trấn Cao Hùng (Kaohsiung), như để chuộc lỗi với dân chúng vì đã tổ chức chậm trễ công tác cứu trợ.

Mặc dù đây chỉ là một quyết định bình thường của một quốc gia có chủ quyền, nhưng dư luận quốc tế rất quan tâm đến sự kiện này. Mọi người đều biết, từ gần 60 năm qua Bắc Kinh đã làm đủ mọi áp lực để sát nhập hòn đảo nhỏ bé Đài Loan (với 35 000 km² và 24 triệu dân) vào lãnh thổ Trung Quốc, nhưng các chính quyền Đài Bắc không hề nao núng. Không những thế, Đài Loan còn trở thành một cường quốc kinh tế khu vực buộc Trung Quốc phải ve vãn để được giúp đỡ. Chính nhờ sự giúp đỡ tài chính và kỹ thuật dồi dào của thương nhân Đài Loan trong các thập niên 1980 và 1990 mà Trung Quốc ngày nay trở thành một cường quốc kinh tế. Nói tóm lại, nhờ những quan hệ thương mại và tài chính này mà hai quốc gia Trung Hoa đã phát triển một cách vượt bậc. Đài Loan cần Trung Quốc và Trung Quốc cần Đài Loan, nhưng chênh lệch về lượng thiên về Trung Quốc vì đó là một thị trường lớn với gần một tỷ rưỡi dân, v.v. Mặc dù vậy, sau những lý luận duy ý chí này, cả thế giới ngạc nhiên về quyết định chính thức mời vị lãnh tụ tinh thần người Tây Tạng sang Đài Loan của chính quyền Đài Bắc. Trước đó, Bắc Kinh đã thành công trong việc ngăn cấm một số quốc gia phương Tây, có nhiều quan hệ buôn bán với Trung Quốc như Pháp, Đan Mạch, Thụy Sĩ, Nam Phi, v.v., đón tiếp chính thức vị lãnh tụ tinh thần người Tây Tạng này.

Dư luận quốc tế rất ngạc nhiên trước quyết tâm làm áp lực lên các quốc gia có nhiều quan hệ buôn bán với Trung Quốc không tiếp đón vị Đạt Lai Lạt Ma thứ 14 này (tên thật là Tenzin Gyatso, 74 tuổi). Ông chỉ là một nhà tu hành được dân chúng Tây Tạng tôn vinh như một lãnh tụ tinh thần, thế thôi. Ông không hề chủ trương ly khai hay đòi độc lập, ông chỉ yêu cầu Bắc Kinh tôn trọng tôn giáo, văn hóa, môi trường và đời sống của người Tây Tạng.



Muốn tìm hiểu sự lo ngại của Bắc Kinh đối với những nhóm sắc tộc sinh sống ở vùng biên cương, phải trở về giai đoạn nguyên thủy thành lập các chính quyền người Hán. Đối với người Hán, thế giới là một hình vuông: hình vuông ở giữa là trung tâm quyền lực của người Hán (cấm thành), hình vuông thứ hai là vòng đai bảo vệ quyền lực của người Hán (công thần), hình vuông thứ ba là nơi cư trú của người Hán (văn hóa Khổng giáo), hình vuông thứ tư là nơi sinh trú của những sắc dân (chư hầu) thần phục khu vực trung tâm (Trung Quốc hay Trung Hoa) và hình vuông thứ năm và cuối cùng là những sắc dân còn

dã man (man di) cần khai hóa. Hơn hai ngàn năm đã trôi qua, quan niệm này vẫn còn hiệu lực. Từ sau khi chiếm được chính quyền năm 1949, Đảng Cộng Sản Trung Quốc tiếp tục áp dụng chính sách này với những qui chế đặc biệt (tự trị) dành cho những sắc tộc lớn sinh sống trong các tỉnh biên cương: Nội Mông, Tân Cương, Tứ Xuyên, Tây Tạng, Quảng Tây, Hồ Ninh Hạ. Một số tỉnh khác tuy trực thuộc trung ương (Bắc Kinh) nhưng vẫn được hưởng một qui chế tự trị tương đối, đó là những tỉnh nằm trên đường tơ lụa: Cam Túc, Thanh Hải và Tứ Xuyên.

Nhưng trước trào lưu tiến hóa của nhân loại, đặc biệt là quan hệ với thế giới phương Tây, quan niệm về không gian sinh tồn này không còn được chấp nhận nữa: đã là người thì ai cũng phải được đối xử ngang nhau, không có công dân hạng một hay hạng hai. Chính vì thế, trong nội bộ ban lãnh đạo cộng sản Trung Quốc từ 1949 đến nay luôn luôn có hai khuynh hướng quyền lực - bảo thủ và cấp tiến - luân phiên cầm quyền. Bảo thủ là những người chủ trương sử dụng sức mạnh để áp đặt quyền lực trung ương; cấp tiến là những người chủ trương đường lối ôn hòa nhưng cứng rắn để duy trì vai trò lãnh đạo trung ương. Một cách cụ thể, Mao Trạch Đông và hậu duệ tượng trưng phe bảo thủ, Đặng Tiểu Bình và các đệ tử đại diện phe cấp tiến. Hiện nay, theo dư luận trong nước, Giang Trạch Dân là người đại diện phe bảo thủ; Hồ Cẩm Đào đại diện phe cấp tiến. Tuy có sự phân chia này nhưng các cấp lãnh đạo Trung Quốc luôn luôn hành động thuận lợi cho cộng đồng người Hán và chống đối quyết liệt mọi đe dọa đến quyền lực trung tâm của người Hán.

Năm 1978, nhận thấy sự thua kém của Trung Quốc trước trào lưu tiến hóa của thế giới, Đặng Tiểu Bình tung ra chương trình bốn hiện đại hóa nhằm cải tổ toàn diện đất nước với những biện pháp rất thực tiễn và cấp tiến: đón nhận đầu tư quốc tế bất kể xuất xứ. Nhờ đó Trung Quốc đã tiếp thu được nhiều tiến bộ khoa học và kỹ thuật mới và trở thành công xưởng sản xuất hàng hóa lớn nhất thế giới với giá rẻ. Qua số ngoại tệ khổng lồ mang lại, Bắc Kinh có điều kiện để canh tân trung tâm quyền lực và thay đổi hẳn cách thức tổ chức quân đội. Từ thập niên 1990 đến nay, sức mạnh quân sự của Trung Quốc đã gia tăng đáng kể, với những trang thiết bị hiện đại phe bảo thủ muốn dùng sức mạnh

này khống chế những quốc gia lân bang yếu kém để chiếm hữu những khu vực có nhiều tiềm năng chiến lược hay giàu khoáng sản mà nền công nghiệp Trung Quốc đang cần. Từ đó người ta thấy hàng loạt hiệp ước về biên giới trên đất liền đã được ký kết với các quốc gia lân bang, bản đồ lãnh hải và khu vực kinh tế đặc quyền (EEZ) của Trung Quốc cũng được vẽ lại theo hình lưới bò, bao trùm các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa và kéo dài tới Đông Nam Á. Trong thực tế, dưới thời Giang Trạch Dân, Bắc Kinh cũng đã không ngần ngại làm áp lực quân sự hay sử dụng vũ lực để chiếm hữu những hải đảo và quần đảo của những quốc gia khác trên biển Đông.

Khuynh hướng bá quyền này đã làm nảy sinh một cuộc chạy đua vũ trang trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á khiến Bắc Kinh phải khựng lại. Trung Quốc không thể đương đầu cùng một lúc với các cường quốc hàng hải khu vực như Nam Hàn, Nhật Bản và Đài Loan, sau đó là với các quốc gia Đông Nam Á và Ấn Độ. Tuy nhiên đối thủ mà Trung Quốc e dè nhất vẫn là Hoa Kỳ với Hạm đội 7 Thái Bình Dương. Những cuộc đọ sức trên biển Đông và ngoài khơi Nam Hải gần đây cho thấy lực lượng hải quân của Trung Quốc còn quá yếu. Trung Quốc chưa đủ khả năng để mở ra một cuộc chạy đua vũ trang với Hoa Kỳ vì quá tốn kém. Chính quyền do Giang Trạch Dân lãnh đạo mất dần uy thế, năm 2003, Hồ Cẩm Đào được đưa lên cầm quyền và chủ trương giải quyết các tranh chấp trong ôn hòa và tăng cường quan hệ thương mại với mọi quốc gia trên thế giới.

Phe bảo thủ do Giang Trạch Dân đứng đầu tuy mất quyền lãnh đạo chính trị nhưng không vì thế mà yếu đi. Thượng Hải vẫn là thủ phủ của phe bảo thủ với một đội ngũ tướng lĩnh và sĩ quan điều hâu chiếm đa số trong quân ủy trung ương. Các tỉnh duyên hải Nam Hoa giàu có (Giang Tô, Triết Giang, An Huy, Giang Tây và Quảng Đông) đang có khuynh hướng kết hợp lại với nhau thành một khối kinh tế lớn để làm đối trọng trên nguyên tắc với Hoa Kỳ và thế giới phương Tây, nhưng trong thực tế là với Bắc Kinh của phe Hồ Cẩm Đào. Ngân sách quốc phòng của Trung Quốc, thật ra của các tỉnh duyên hải Nam Hoa, tăng lên đều đặn, đứng thứ nhì sau Hoa Kỳ.

Khuynh hướng bảo thủ trở lại mạnh khi Hồ Cẩm Đào lúng túng trước cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính thế giới năm 2008. Những cuộc nổi loạn của dân chúng bất mãn đã xảy ra khắp nơi. Để giữ vững quân đội lực của mình, Hồ Cẩm Đào phải làm nhiều nhượng bộ, một mặt để nâng cao mức sống người dân qua những đầu tư nội địa, mặt khác để liên kết phe bảo thủ vào quỹ đạo quyền lực của mình. Giải pháp đầu rất cần thiết vì trong suốt hai thập niên dân chúng Trung Quốc đã bị vắt sức đến cận kiệt để xuất khẩu hàng hóa thu về ngoại tệ. Nhưng giải pháp thứ hai rất đáng quan ngại vì hiện nay Trung Quốc không bị một đe dọa quân sự nào, hợp tác với phe bảo thủ để tăng cường sức mạnh quân sự trong lúc này không khác gì chuẩn bị chiến tranh và khuyến khích một cuộc chạy đua vũ trang mới trong khu vực. Chính vì lo ngại giải pháp thứ hai được thi hành, Hoa Kỳ và đồng minh đang xây dựng một kế hoạch phòng ngừa và ngăn chặn tham vọng bá quyền của Trung Quốc trên Biển Đông. Người thủ lợi nhiều nhất trong cuộc chạy đua vũ trang này

là Hoa Kỳ và Nga, vì là hai quốc gia có thể cung cấp những vũ khí hiện đại nhất đủ khả năng đối đầu với những vũ khí chiến lược hiện đại nhất của Trung Quốc. Tiếp theo là những quốc gia cung cấp trang thiết bị và phụ tùng bổ sung cho những loại vũ khí hiện đại, như Ấn Độ, các quốc gia phương Tây.

Phe điều hâu có nhiều lý do để áp đặt ưu thế của mình trong ban lãnh đạo trung ương : hàng hóa dân sự xuất khẩu không mang lại nhiều lợi tức bằng xuất khẩu vũ khí. Hiện nay tổng số lượng ngoại tệ do xuất khẩu vũ khí không bằng những quốc gia phương Tây có truyền thống xuất khẩu vũ khí, nhưng nếu tính về số lượng thì các loại vũ khí hạng nhẹ của Trung Quốc có mặt khắp nơi và trên mọi chiến trường, nhất là tại những quốc gia nghèo khó. Điểm yếu của phe bảo thủ điều hâu là cần rất tiền để nhập khẩu những loại vũ khí chiến lược hiện đại nhất của Nga, sau đó thuê hoặc mua lại bằng sáng chế để tự sản xuất. Tổng số tiền xuất khẩu vũ khí hạng nhẹ không đủ để bù đắp sự thiếu hụt trong ngân sách, do đó rất cần sự hỗ trợ của phe ôn hòa cấp tiến.

Để biến khuynh hướng hợp tác này thành hiện thực, năm 2008 Bắc Kinh đã hỗ trợ những cuộc thám hải dương bằng tàu ngầm, mục đích là đo lường khả năng phòng thủ của các quốc gia Đông Á, đặc biệt là Nhật Bản và Hoa Kỳ trong khu vực quần đảo Sensaku và Guam. Nhiều tàu quân sự đã được nguy trang thành tàu

dẫn sự để dò thám khu vực Biển Đông như tàu Ngư Chánh 311 (trọng tải 4450 tấn) cải tạo từ quần hạm thành tàu tuần dương không lồ quanh quần đảo Hoàng Sa, năm 2010 một tàu tuần dương khác 2500 tấn chở trực thăng sẽ được đưa vào khu vực quần đảo Trường Sa.

Trước khi xâm nhập vào vùng quần đảo Sensaku, một hội nghị của quân ủy trung ương đã được mở ra để quyết định kế hoạch chính trị sức mạnh quân sự trong trung hạn. Kế hoạch này mang tên Công trình 881, nghĩa là cuộc họp vào năm 2008 để kỷ niệm 81 năm ngày thành lập quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc 1/8. Trong đó có giai đoạn 5 năm đầu từ 2008 đến 2014, giai đoạn 2 từ 2014 đến 2020 và giai đoạn 3 từ 2020 đến 2025 sẽ đầu tư tổng số tiền khoảng 440 triệu USD (300 tỷ CNY) để hiện đại hóa quân đội. Mục tiêu của kế hoạch 881 này là biến quân đội Trung Quốc ngang tầm với khối NATO và Nga. Số lượng binh lính sẽ giảm từ 2,8 triệu xuống còn 1,2 triệu người, nhưng là quân tinh nhuệ. Tỷ lệ quân nhân có trình độ đại học sẽ tăng từ 12% lên 60%, nghĩa là một quân đội có trình độ văn hóa và kỹ thuật cao.

Cũng nên biết hiện nay so với khối NATO, trang bị hỏa lực của lực lượng của Trung Quốc còn chậm hơn 15 năm, không quân 10 năm, hải quân 20 năm, kỹ thuật thông tin điện tử 7 năm. Về trang bị vũ khí hạch nhân chiến thuật, Trung Quốc còn chậm khoảng 10 năm. Kế hoạch 881 cho biết phải chờ đến 2030 hải quân Trung Quốc mới xây dựng xong ba hạm đội có hàng không mẫu hạm (báo chí Hongkong cho biết năm 2014 sẽ cho hạ thủy thử nghiệm một chiếc). Tất cả với tinh thần chủ nghĩa dân chủ có chủ quyền xem trọng quyền lợi quốc gia trên hết.

Trong khi chờ đợi kết quả của kế hoạch 881 trên, Bắc Kinh tiếp tục xúc tiến các chương trình xuất khẩu các loại vũ khí có



trị giá kinh tế cao : xe tăng, tàu chiến và các loại chiến đấu cơ chiến thuật. Mũi nhọn của chương trình này là hợp đồng bán cho Pakistan lượt đầu 50 chiến đấu cơ FC-1 Xiaolong (Khiêu Long hay JF-17 Thunder, tương đương với chiến đấu cơ F-16 của Mỹ). Đây là loại chiến đấu cơ kiểu Mig 21 tân trang, với động cơ phản lực Klimov RD 93, mà Trung Quốc mua lại bằng sáng chế của Nga. Theo dự trù, công ty Chendu Aircraft Industry Co sẽ cung cấp 250 chiếc cho Pakistan với giá trung bình khoảng từ 10 đến 15 triệu USD/chiếc (tổng trị giá khoảng từ 3 đến 5 tỷ USD), rẻ hơn 1/3 trị giá một F-16 của Mỹ. Lợi tức thu về không cao vì trị giá động cơ phản lực RD 93 đã từ 7 đến 8 triệu USD, nhưng bù lại chuyên gia Trung Quốc ngày càng nắm vững thêm kỹ thuật thiết kế và lắp ráp. Với lợi tức dự thu, hãng Chendu đủ trang trải những chi phí khác và dự trù sẽ sản xuất khoảng 1500 chiếc khác để xuất khẩu sang các quốc gia đang phát triển tại châu Á, châu Phi và Trung Đông. Bắc Triều Tiên sẽ là khách hàng đứng thứ 2 với 200 chiếc dự định đặt mua.

Cũng nên biết từ thập niên 1990 Trung Quốc đã mua bằng sáng chế để xuất khẩu các loại chiến đấu cơ kiểu Mig của Nga. Cho đến nay Trung Quốc đã xuất khẩu trên 600 chiến đấu cơ J-7 (kiểu Mig21 Fishbed có từ 1955, Trung Quốc mua lại bằng sáng chế năm 1961 và đưa vào sản xuất năm 1967) qua Pakistan, Egypt, Bangladesh, Nigeria, Zambia. Các nước trên đây bây giờ cần thay loại chiến đấu cơ đời mới. Riêng Pakistan cũng dự định mua máy bay cảnh giới trên không loại mới từ Trung Quốc vào năm 2010. Với dự định chế tạo và sản xuất ào ạt chiến đấu cơ rẻ tiền như thế của Trung Quốc đòi hỏi lượng lớn nhôm và quặng bauxite từ khắp nơi trên thế giới. Chương trình khai thác bauxite tại Việt Nam, Lào và Campuchia nằm trong kế hoạch 881 này.



Chiến đấu cơ J-7 (Mig-21 Fishbed)

Phong trào đòi chính danh, công khai phô trương sức mạnh quân sự của Trung Quốc trong quân ủy đang chiếm đa số. Chủ trương này đi ngược với lời khuyên của Đặng Tiểu Bình : "phải che giấu móng vuốt chim ưng, đừng chúng tỏ hành động nước lớn gây xung đột với quốc tế, hãy chuyên tâm vào xây dựng kinh tế". Những cuộc xung đột gần đây với hải quân Hoa Kỳ trên Biển Đông thể hệ hiện khuynh hướng điều hâu này. Đây là một lo ngại lớn không những cho các quốc gia Đông Á và Đông Nam Á mà cho cả thế giới, vì con đường vận chuyển hàng hóa trên vùng tại đây ảnh hưởng đến sự ổn định bấp bênh vừa gây dựng lại được sau cuộc khủng hoảng tài chánh và tiền tệ trên qui mô toàn cầu vừa qua. Điều đáng quan ngại là ban lãnh đạo Hồ Cẩm Đào ngày càng ngả theo đường lối phô trương sức mạnh này để chiếm hữu lãnh thổ, lãnh hải và tài nguyên thiên nhiên, và nhất là muốn tranh giành ảnh hưởng với Hoa Kỳ trên biển cả. Đây là những hành động chuẩn bị chiến tranh.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Mạn đàm

Ngày độc lập nghĩ về độc lập tư duy

Phạm Hồng Sơn

Rất nhiều quốc gia trên thế giới đều lấy từ "độc lập" đặt tên cho ngày quốc lễ trọng nhất của mình (ngày quốc khánh). Đó thường là ngày đánh dấu người dân sở tại giành lại được chính quyền (quyền quản lý đất nước) từ tay lực lượng ngoại bang. Tại Việt Nam cũng thế, 64 năm qua trên miền Bắc và 35 năm qua trên toàn Việt Nam, ngày 2 tháng Chín luôn được kỷ niệm với những nghi thức trọng thể nhất. Vào ngày 2 tháng Chín năm 1945, Tuyên ngôn Độc lập đã vang lên trên quảng trường Ba Đình, đánh dấu quyền quản lý đất nước Việt Nam chính thức trở lại với người dân Việt Nam sau hơn 80 năm bị kiểm soát dưới bàn tay của thực dân, đế quốc. Ngày 2 tháng Chín còn được nhiều người gọi là ngày "Tết độc lập".

Tuy nhiên, "độc lập" không chỉ nói đến tình trạng của một dân tộc hay một quốc gia, "độc lập" còn nói đến tình trạng của một con người. Theo Từ điển Hán-Việt của Đào Duy Anh, "độc lập" có hai nghĩa : "1. Đứng một mình, không nhờ cậy ai - Không cần ai bảo hộ mình (être indépendant). 2. Nước có năng lực tự trị, nội chính ngoại giao đều không bị nước khác can thiệp". Và đa số các cuốn từ điển tiếng Việt, Anh, Pháp, mục từ "độc lập" ("independence", "indépendance") cũng đều có hai nghĩa tương tự như Đào Duy Anh.

Như vậy nói đến "độc lập" không thể chỉ nghĩ đến tình trạng của lãnh thổ, quốc gia, dân tộc mà còn phải chú ý đến tình trạng "độc lập" của các cá nhân trong lãnh thổ, quốc gia, dân tộc đó. Và nền tảng căn bản cho sự "độc lập cá nhân", không gì khác, chính phải là khả năng biết "độc lập tư duy" để có thể tự quyết định cho vận mệnh cá nhân mình một cách tích cực. Đây cũng là lý do tại sao mọi thế lực áp bức (ngoại tộc hay đồng tộc) không chỉ cậy vũ lực mà còn nghĩ ra đủ mọi cách (đánh lạc hướng, gây suy yếu, triệt tiêu khả năng độc lập trong tư duy) hòng làm cho tư duy của dân chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ [1], bị phụ thuộc, bị rập khuôn theo ý muốn, định hướng của chúng.

Do đó cái gọi là nền độc lập theo nghĩa quốc gia độc lập, dân tộc độc lập phải bao hàm hai nghĩa : có một chính quyền tự chủ (không phụ thuộc thế lực ngoại bang) và sự độc lập cho mọi thành viên của quốc gia đó, dân tộc đó. Một cách nền tảng là phải đảm bảo cho mọi thành viên có khả năng độc lập tư duy, có khả năng phán xét các vấn đề cá nhân và xã hội một cách độc lập. Nói một cách khác, cái gọi là nền độc lập dân tộc hay độc lập quốc gia đó sẽ vô nghĩa nếu các thành viên của dân tộc hay quốc gia đó không được hoặc không có khả năng độc lập tư duy. Ngược lại, không gì ngoài sự mỉa mai, khi một quốc gia, một dân tộc được gọi là độc lập, nhưng các thành viên của quốc gia đó, dân tộc đó lại thiếu độc lập hay không được độc lập trong tư duy.

Khả năng độc lập tư duy phải được hiện thực hóa bằng việc đảm bảo để không cá nhân nào bị áp chế, đe dọa hay bức hại chỉ vì có ý nghĩ khác với người khác (kể cả người có quyền lực hay địa vị cao nhất). Đảm bảo độc lập cho tư duy cá nhân cũng

phải đồng nghĩa với việc phải đảm bảo cho mọi ý nghĩ, ý tưởng, phản biện được trao đổi tự do và dễ dàng và được tùy nghi triển khai vào cuộc sống. Đối với một quốc gia, một dân tộc đã được coi là độc lập thì không thể có lý do gì để ngăn cản, hạn chế tư duy độc lập của các thành viên trong quốc gia đó, dân tộc đó. Mọi điều làm ngược sẽ chỉ là sự bán bỏ cho "độc lập quốc gia" hay sự tự biểu tỏ của một thế lực áp bức mới.

Việc đảm bảo để dân chúng được độc lập trong tư duy không chỉ làm cho cái gọi là độc lập quốc gia trở nên thực sự và có ý nghĩa cho cá nhân và xã hội mà còn giúp cho quốc gia đó duy trì được nền độc lập. Nền độc lập quốc gia chỉ có thể được duy trì khi quốc gia có đủ sức mạnh cân bằng với quốc gia khác. Trong khi sức mạnh bền vững của bất cứ quốc gia hay dân tộc nào trên trái đất hiện nay đã được chứng tỏ luôn là hệ quả của sự giải phóng tư duy cá nhân hay đảm bảo cho mọi cá nhân được tư duy độc lập. Lịch sử đã cho thấy ngay cả khi có một tuyên ngôn độc lập chính đáng hay hùng hồn nhất cũng không đảm bảo cho quốc gia đó độc lập, phát triển thực sự nếu quốc gia đó không đảm bảo để người dân có khả năng được tư duy độc lập [2].

Vì vậy mọi cuộc cách mạng, dù có tiếng vang đến mấy, nhưng nếu không mang lại hay không đảm bảo được sự độc lập tư duy cá nhân, thì cái mà chúng ta vẫn gọi là giành được độc lập đó chỉ đơn giản là một biến cố phân chia lại quyền áp bức hoặc chỉ là sự thay đổi kẻ áp bức ngoại tộc bằng kẻ áp bức đồng tộc. Thực trạng này rất nên được đặt cho cái tên là thực trạng nửa độc lập hay bán độc lập. Do đó, nếu chúng ta phải cảnh giác với những thế lực áp bức ngoại tộc ẩn dưới những vỏ bọc như "khai hóa văn minh" hay "xây dựng tình hữu nghị" thì chúng ta càng phải cảnh giác hơn với những lực lượng áp bức đồng tộc ẩn dưới các khẩu hiệu như "giữ vững độc lập dân tộc" hay "bảo vệ thành quả cách mạng". Có thể dân chúng thường hân hoan khi chính quyền đã thuộc về người đồng tộc với mình. Nhưng chỉ có dựa vào quyền và khả năng tư duy độc lập của người dân mới có thể biết được người dân đã thực thoát khỏi ách áp bức hay chưa.

Nếu ý nghĩa thiêng liêng và đầy đủ nhất của độc lập dân tộc chỉ là việc có một chính quyền do người đồng tộc nắm giữ thì không có chuyện Albert Einstein đã bỏ nước Đức ra đi ngay khi tinh thần dân tộc Đức đang bùng bùng khí thế và cũng không có chuyện một số chính quyền lại trải thảm đỏ đón trở lại những kiểu bào đã từng bị họ kết tội "phản quốc" chỉ vì không chấp nhận sự thiếu thốn hay trấn áp.

Lịch sử Việt Nam, nếu chỉ kể từ năm 938 khi Ngô Quyền giành lại được chủ quyền cho người nước Nam từ đế chế phương Bắc, là một chuỗi các biến cố kháng chiến giữ và giành lại chính quyền, lãnh thổ từ các thế lực ngoại bang. Có thể yếu tố địa chính trị của Việt Nam đã đóng vai trò quan trọng làm nên đặc điểm lịch sử này. Nhưng một có một yếu tố luôn song hành với lịch sử đó là sau các chiến thắng giành lại lãnh thổ và chính quyền từ ngoại bang, tư duy độc lập của các cá nhân chưa bao giờ được trở thành một vấn

đề quốc gia cần bảo vệ và tôn vinh [3].

Trong các thời kỳ quân chủ phong kiến, rõ ràng các quan niệm thịnh hành trong xã hội lúc đó như "vô ngã", "vô thường" (Phật giáo), "vô vi" (Lão giáo) hay thuyết "chính danh" (Nho giáo) không thể đưa được đến cách nhìn coi trọng sự độc lập tư duy của cá nhân. Chưa kể đến những câu răn dạy như "Nhất tự vi sư, bán tự vi sư" hay "Quân sử thần tử, thần bất tử bất trung" còn thể hiện rõ sự áp đặt ý kiến của người đi trước hay sự đe dọa của kẻ có quyền lực. Đó cũng chính là nguyên nhân sâu xa của sự thúc thủ nhanh chóng của quốc gia khi Việt Nam phải tương tác với sức mạnh vượt trội của phương Tây trong trào lưu tìm thuộc địa thế kỷ XIX.

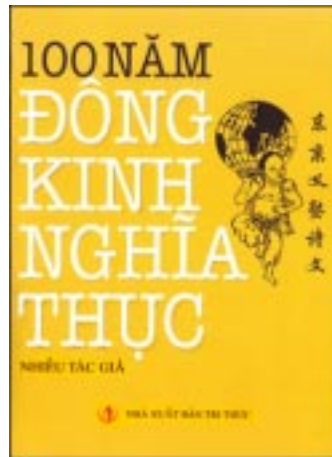
Nhưng ngay những năm đầu tiên của thế kỷ XX - khi đất nước vẫn đang bị Pháp đô hộ, các sĩ phu trong phong trào Duy Tân đã nhận ra nhược điểm cốt tử của dân tộc Việt Nam: "*Nước ta là nước quân chủ, trải qua các đời, dân chỉ chịu sự cai trị của vua quan, không có thể dùng tâm và mưu cho nước, nước tự nó sống còn. Trên có vua hiền, tướng giỏi thì tạm thời nước yên ổn, dân yên ổn. Bất hạnh mà không có vua hiền, tướng giỏi thì nước loạn li, nhân dân lầm than. Từ xưa đến nay, sở dĩ ít ngày được bình trị*

mà có lắm cuộc loạn li, nguyên nhân là ở đó. Muốn nước được bình trị mà mong vua hiền, tướng giỏi thì không bằng mong ở dân mạnh. Dân mạnh thì nước yếu có thể chuyển thành mạnh, và mạnh lâu dài. Dân nước ta có ưu điểm là an phận, thành thực và nhẫn nại. Không biết lợi dụng những ưu điểm ấy thì sẽ sinh ra ba cái tệ. Một là, bảo thủ mà không biết tiến thủ. Hai là, dựa vào người mà không biết tự lập. Ba là, yên thân mình, nhà mình mà không biết ái quần, ái quốc. Không trừ ba cái tệ đó thì dù có vua hiền tướng giỏi cũng chỉ bình trị nhất thời mà thôi, sao có thể chống chọi với các nước lớn được? Cho nên, ngày nay chúng ta phải nghĩ đến tự cường thì ngày sau mới tự cường được[4].

An phận, ý lại, bảo thủ, thờ ơ với việc nước đều là những tính cách vắng bóng khả năng độc lập tư duy. Các sĩ phu Duy Tân còn mạnh dạn đến mức phê rằng: "*...Còn nước ta thì trong triều, ngoài nội, chính trị, phong tục không thay đổi chút nào. Dụng cụ của ta đều cũ kỹ, lạc hậu, đồng ruộng hoang vu, dân đói rách, chưa bỏ thói ngang ngạnh, tính nô lệ vẫn còn*" [5] (người viết tô đậm các chữ cuối).

Các sĩ phu Duy Tân không chỉ "chẩn bệnh" cho Nước mà còn "kê đơn" rất rõ ràng: "*Loại người cũng như động vật, thực vật đều có cơ thể. Cơ thể của nước là dân. Dân có trí tuệ thì cơ thể linh hoạt, nước sẽ thịnh cường, mãi mãi sẽ không bị phá hoại. Đó là điều tất yếu*" [6]. Để có trí tuệ thì đương nhiên phải khuyến khích và đảm bảo tối thiểu để người dân được độc lập tư duy.

Thật đáng tiếc là sau Cách Mạng Tháng Tám, những người "cướp" được chính quyền từ tay ngoại bang đã không lưu tâm đến những ấp ủ, trăn trở, những nhận xét, đề xuất sáng suốt và thúc thời của các sĩ phu Duy Tân [7], đã không trân trọng những cá nhân có tư duy độc lập.



Tuy nhiên những hạn chế, trấn áp sự độc lập tư duy bất cứ ở đâu và thời nào cũng luôn nấp dưới những vỏ bọc chính đáng. Không có bạo chúa hay nhà độc tài nào tự nhận mình là người độc đoán hay không lắng nghe, không cầu thị ý kiến của dân chúng. Chế độ quân chủ thường chỉ dựa vào Trời với những luân lý chính thống như "trung quân", "thiên mệnh", "thiên tử", kèm theo tội "khi quân", để những bạo chúa hay gian thần loại bỏ, trấn áp những cá nhân có tư duy độc lập trái với ý kiến hay quyền lợi của chúng. Còn chế độ sau quân chủ lại không cần dựa vào "ý trời" nữa, tự tạo ra đủ những lý do có bề ngoài rất to tát, rất đạo đức như "tăng cường đoàn kết nội bộ", "chống chủ nghĩa cá nhân", "phải gắn gũi nhân dân lao động", "chống hữu khuynh", "chống tư tưởng tiểu tư sản", "học và làm theo nghị quyết", "hòa nhập chứ không hòa tan", "giữ vững ổn định chính trị", "chống diễn biến hòa bình",..., và kèm theo là đủ mọi áp lực về vật chất và tinh thần, nhằm trấn áp, gạt bỏ những tư duy độc lập, trái với Đảng hoặc trái với một nhóm quyền lợi trong Đảng.

Năm 1952, nếu chủ tịch Hồ Chí Minh trân trọng những đề xuất độc lập của luật sư Nguyễn Mạnh Tường thì Việt Nam chắc đã có một nhà nước biết tôn trọng pháp luật và chắc chắn đã tạo ra một cú hích lịch sử cho tư duy độc lập của giới trí thức và toàn xã hội.[8]

Năm 1968, nếu lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam chịu lắng nghe và tiếp thu sáng kiến của thuộc cấp như bí thư tỉnh ủy Vĩnh Phúc Kim Ngọc thì chắc chắn nhiều người dân Việt Nam đã không bị chết đói và Đảng Cộng sản Việt Nam đã có được một tiền lệ tốt về dân chủ nội bộ.[9]

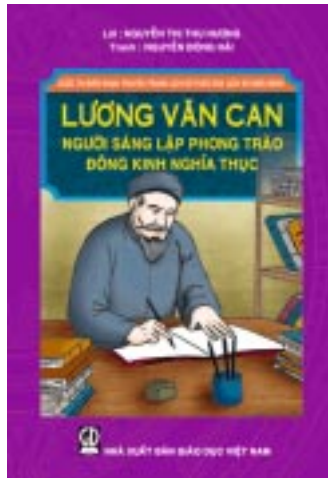
Ngay thời kỳ còn chấp chính, quyền lực công đã tỏ rõ sự độc đoán, hắt hủi tư duy độc lập đến thế, thì đến giai đoạn trưởng thành, nó sẽ còn độc đoán hơn, vùi dập tư duy độc lập hơn cũng là điều dễ hiểu. Có thể những người có quyền thường ít có khả năng nghe và chấp nhận những suy nghĩ khác biệt, nhưng một hệ thống chính trị văn minh luôn có các cơ chế buộc những người có quyền phải biết lắng nghe và tôn trọng mọi ý kiến, kể cả sự phản đối của dân chúng, không để cho họ được tùy tiện làm tổn thương tới khả năng tư duy độc lập của cá nhân và xã hội.

Điều đau xót là biết bao người đã dành trọn niềm tin và sự hy sinh cho một chế độ chính trị dung dưỡng thói kiêu ngạo, hợm hĩnh, tùy tiện của những người cầm quyền, trong niềm hy vọng chủ quyền đất nước sẽ được bảo toàn, dân tộc sẽ được tự do hơn và hạnh phúc hơn. Nhưng tiếc thay, như các bậc tiền nhân của người Việt đã nói, khi trí tuệ của dân, sự độc lập tư duy của dân không được nuôi dưỡng, trân trọng thì Nước làm sao tránh được sự phá hoại ! Và đương nhiên, sự phá hoại đất nước sẽ phải khủng khiếp hơn, sự tha hóa, lỳ lợm của kẻ áp bức cũng sẽ phải ghê gớm hơn khi tư duy độc lập của xã hội đã bị kìm giữ dưới những vỏ bọc to lớn hơn và đạo đức hơn. Đó chính là thực trạng đau lòng của lãnh thổ Việt Nam, của dân tộc Việt Nam hôm nay.

Để đưa được đất nước, dân tộc thoát khỏi tình trạng lâm nguy hiện nay, chắc chắn người Việt Nam sẽ phải nỗ lực hơn

rất nhiều những tiền nhân đã dày công dựng và giữ nước. Nhưng để có một nền độc lập thực sự và vững bền cho quốc gia, người Việt Nam không thể không gắng tạo lập, rèn giũa, giữ lấy hoặc giành lấy và bảo vệ cho được thói quen tư duy độc lập. Độc lập dân tộc phải gắn liền với độc lập tư duy cá nhân. Tư duy độc lập của người Việt còn thì nước Việt còn.

Phạm Hồng Sơn
Hà Nội, 30-8-2009



[1] Đề thi đại học môn văn khối C năm 2009 là một ví dụ. Đề thi này như sau : Trong thư gửi thầy hiệu trưởng của con trai mình, tổng thống Mỹ A. Lin-côn (1809-1865) viết : *"Xin thầy hãy dạy cho cháu biết chấp nhận thi rất còn vinh dự hơn gian lận khi thi"*. Từ ý kiến trên, anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày suy nghĩ của mình về đức tính trung thực trong khi thi và trong cuộc sống. Việc

kêu gọi chống giả dối, gian lận trong thi cử hay kêu gọi sống trung thực là một việc không có gì độc đáo. Nhưng một nền giáo dục tử tế phải hướng con người tới khả năng và thói quen tư duy độc lập. Nhưng đề thi nói trên đã bỏ đi một ý rất độc đáo và quan trọng ngay sau đoạn trích trong bức thư đó : *"Xin giúp cháu có niềm tin vào ý kiến riêng của bản thân, dù tất cả mọi người đều cho rằng ý kiến đó hoàn toàn sai lầm..."*. Nguồn tham khảo : Blog NVP ngày 11-7-2009.

[2] Nước Mỹ, sau Tuyên ngôn Độc lập nổi tiếng năm 1776, đã suýt tan rã nếu 13 bang không cùng cam kết phải bảo vệ một số quyền cụ thể của dân chúng (trong đó có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do khiếu nại chính quyền, là những quyền để đảm bảo cho sự tự do và độc lập trong tư duy). Đó chính là 10 tu chính án đầu tiên của Hiến pháp Mỹ (The Bill of Rights).

[3] Giai đoạn tại miền Nam 1954-1975 là giai đoạn tạm không xem xét ở đây.

[4] Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục, *Proses et Poésies du Đông Kinh Nghĩa Thục*, Nxb Văn Hóa 1997.

[5] Theo Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục, *Proses et Poésies du Đông Kinh Nghĩa Thục*, sdd.

[6] Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục, *Proses et Poésies du Đông Kinh Nghĩa Thục*, sdd.

[7] Căn cứ vào những tài liệu giảng dạy của Đông Kinh Nghĩa Thục còn được lưu cho đến nay, các sĩ phu Duy Tân lúc đó đã đề cập đến nhiều vấn đề thiết thực và cơ bản đối với dân chúng và đất nước như vệ sinh thân thể, mở mang trí thức cá nhân, mở mang kinh doanh (áp dụng máy móc, ủng hộ các nhà tư bản nội địa...), trách nhiệm công dân với cộng đồng, đất nước, các kiến thức cơ bản về hệ thống chính trị (chính phủ, quốc hội, luật pháp, tư pháp...)...Và có cả những ý tưởng tương tự những gì mà chúng ta hiện đang gọi là Xã hội dân sự (civil society). Xin tham khảo : Văn thơ Đông Kinh Nghĩa Thục, *Proses et Poésies du Đông Kinh Nghĩa Thục*, Nxb Văn Hóa 1997.

[8] Tham khảo tạp chí *Xưa & Nay* số 286, tháng 6-2007.

[9] Tham khảo : Đặng Phong, *Tư Duy Kinh Tế Việt Nam-Chặng đường gian nan và ngoạn mục*, Nxb Trí Thức, 2008.



Phải nhìn cho ra sự thật !

Hương Trà

Trong thời gian qua, trên các trang Web toàn cầu có rất nhiều bài viết khen và chê về sự nhận tội của : Nguyễn Tiến Trung, Trần Huỳnh Duy Thức, ông Trần Anh Kim (cựu trung tá quân đội của đảng cộng sản Việt Nam), đặc biệt còn có màn phụ họa của luật sư Lê Công Định nữa.

Trong thời đại văn minh và đa nguyên về mọi mặt như hiện nay thì mọi người đều có quyền đưa ra những suy nghĩ riêng. Tuy nhiên, chúng ta nên tự đặt mình vào trường hợp của những người có tầm vóc và uy tín ảnh hưởng đến sự mất còn của đảng cộng sản để mà nhận định.

Một thân một mình giữa 4 bức tường đối diện với rừng công an có đầy đủ chuyên môn, nghiệp vụ điều tra theo chiều hướng của đảng để ra, luôn luôn trung thành với đảng và sẵn sàng thi hành mọi tội ác. Sự nhận tội để được sinh tồn trong trường hợp hoàn toàn mất tự do về mọi mặt như thế là điều dễ hiểu, chính vị linh mục anh hùng Nguyễn Văn Lý đã từng nói : "đừng tin vào những lời khai nhận của ngài trong thời gian bị chính quyền cộng sản giam cầm". Nếu có trách thì chúng ta nên trách các chính sách và hành động bội ước của các nhà lãnh đạo các nước tự do dân chủ trên thế giới, nhất là Hoa Kỳ đã vì quyền lợi riêng mà giúp cho Đảng Cộng Sản Việt Nam tiếp tục tồn tại, tiếp tục vi phạm tất cả những công ước quốc tế về quyền dân sự và chính trị mà đảng cộng sản đã tự nguyện ký kết thi hành.

Chúng ta đã hết lòng cảm phục luật sư Lê Thị Công Nhân, luật sư Nguyễn Văn Đài, linh mục Nguyễn Văn Lý, anh Nguyễn Phong, luật sư Lê Chí Quang, anh Phạm Bá Hải, anh Nguyễn Văn Hải, Trương Minh Đức, chị Phạm Thanh Nghiênn, anh Phạm Văn Trội, chị Hồ Thị Bích Khương và tất cả những người hiện đang bị chế độ cộng sản Việt Nam giam cầm chỉ vì tranh đấu ôn hòa cho tự do dân chủ. Có thể trong thời gian của những năm về trước tình hình nguy ngập của đảng cộng sản chưa nghiêm trọng như bây giờ, cũng có thể sau những lần thất bại trước luật sư Lê Thị Công Nhân và luật sư Nguyễn Văn Đài..., công an đã rút ra được kinh nghiệm bằng tất cả sự khát máu để áp dụng vào Nguyễn Tiến Trung, Trần Huỳnh Duy Thức, Lê Công Định và ông Trần Anh Kim để bắt buộc họ phải chọn con đường duy nhất là nhận tội và xin được khoan hồng. Do đó, chắc chắn đây là một sự ghép nối, dàn cảnh của công an.

Chúng tôi nghĩ rằng, với những gì mà bốn nhà tranh đấu của chúng ta đã làm cho quê hương đất nước trong thời gian chưa bị bắt, là những hành động dũng cảm và anh hùng. Chúng ta nên bình tĩnh chờ đợi một phiên tòa công khai trong thời gian tới. Hiện nay chúng ta nên nghĩ rằng, đối với công luận và quốc tế thì mọi lời khai nhận của một người bị ép cung, mất tự do về mọi mặt và không có luật sư bảo vệ đúng theo pháp luật đều

vô giá trị, bởi vì theo luật pháp quốc tế và cả Việt Nam đều có quy định : một người chỉ được xem có tội là khi nào được tòa án kết tội trong một phiên tòa công khai có đầy đủ luật sư biện hộ. Việc làm này của công an và các cơ quan báo chí, các đài phát thanh, truyền hình khi đưa hình ảnh và lời nhận tội của 4 nhà dân chủ ra trước dư luận chứng tỏ chính quyền cộng sản Việt Nam đã trắng trợn vi phạm luật pháp chỉ làm trò cười cho thiên hạ mà thôi. Hãy xem cuộc phỏng vấn của phóng viên Tôn Văn Anh với nhà hoạt động đối lập nước cộng sản Ba Lan ngày 21-8-2009 vừa qua được đăng trên trang web *Talawas* ngày 23-8-2009 thì sẽ rõ các mưu ma chước quỷ của công an thời cộng sản.

Nhân loại đã từng chứng kiến và lên án những hành động giết người dã man của các chế độ độc tài, trong đó có chủ nghĩa cộng sản. Nhân dân Việt Nam đã từng chịu đựng rất nhiều cảnh đau thương kể từ khi có sự hiện diện của đảng cộng sản Việt Nam. Hàng trăm ngàn

người dân vô tội phải chịu chết oan trong các đợt đấu tố của thời Cải Cách Ruộng Đất và phong trào Nhân Văn-Giai Phẩm ở miền bắc Việt Nam (1954-1957), những mồ chôn tập thể đã được tìm thấy ở Khe Đá Mài (Huế) sau khi quân đội cộng sản rút lui (Tết Mậu Thân 1968), những cuộc thanh trừng các đảng phái và những người quốc gia yêu nước không cộng sản dưới chiêu bài Việt nam Độc Lập Đồng Minh Hội do Hồ Chí Minh kêu gọi ; những cuộc giết mìn xe dò, pháo kích vào chợ búa đông người, pháo kích vào trường học (diễn hình là trường tiểu học Cai Lậy năm 1972)... Đó là những bằng chứng có thật cho dù thẳm sâu trong lòng dân tộc, tất cả đều muốn quên đi để hướng về một tương lai tươi sáng của đất nước trong tinh thần đoàn kết và xóa bỏ hận thù. Nhưng thật là trớ trêu và đau lòng cho dân tộc Việt Nam khi những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam vẫn đi theo vết nhơ cũ, vẫn tuyệt đối trung thành với chủ nghĩa cộng sản đã bị cả cộng đồng thế giới phế bỏ.

Những hành động dằng dáo Hoàng Sa-Trường Sa, dâng Ải Nam Quan, thác Bản Giốc, dâng lãnh hải của đất nước cho bọn người Trung Cộng kẻ thù truyền kiếp của dân tộc qua công hàm của thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 14-9-1958, qua các hiệp định biên giới trên đất liền và vùng biển năm 1999 và 2000, đàn áp các thành phần yêu nước sinh viên biểu tình chống Trung Quốc xâm lăng, thẳm lén để cho Trung Quốc khai thác bauxite Tây Nguyên bất chấp sự can ngăn có tình có lý đầy tính thuyết phục về chuyên môn khoa học của đại tướng Võ Nguyên Giáp và các tướng lĩnh đầy kinh nghiệm về dã tâm xâm lược của Trung Quốc như thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, trung tướng Đồng Sĩ Nguyên, thiếu tướng công an Lê Văn Cương... và trên 2000 trí thức khoa học ưu tú trong và ngoài nước. Chấp nhận sự lợi và



hại trong một canh bạc 50/50 theo như lời tuyên bố của ông Đoàn Văn Kiển (chủ tịch Tập đoàn TKS Việt Nam và cũng là chủ đầu tư hợp tác với Trung Quốc khai thác quặng bô-xít Tây nguyên), và việc thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cho rằng đây là một chủ trương lớn, là đại dự án và không thể dừng lại đã khiến cho đất nước và dân tộc đang đi dần về điểm chết.

Chúng tôi đã nghe những lời kể của các bậc lão thành đã từng kinh qua các thời kỳ của đảng, đọc những cuốn sách và hồi ký của những người đã từng là những cán bộ, đảng viên cao cấp của đảng nhưng đã thức thời như : giáo sư tiến sĩ Hoàng Minh Chính, trung tướng Trần Độ, ông Nguyễn Hộ, đại tá Bùi Tín, ông Vũ Thư Hiên, ông Nguyễn Minh Cần, ông Vi Đức Hồi. Chúng tôi cũng có đọc tài liệu tối mật trong cuộc họp mật của cơ quan tình báo Hoa Nam Trung Quốc và Tổng Cục 2 Việt Nam mà theo đó Trung Quốc khẳng định rằng : Hồ chủ tịch có nói Việt Nam và Trung Quốc như môi với răng, môi hở thì răng lạnh, điều này chứng tỏ rằng Việt Nam và Trung Quốc là hai thành phần trong một cơ thể, nếu sau này khi Việt Nam là một tỉnh hay một vùng tự trị của Trung Quốc rồi, thì chuyện khai thác bô-xít có thể được cấp trên xét lại cho dừng để chuyển qua khai thác ở các nước Châu Phi những nước mà có chính quyền tham nhũng, tham tiền. Chúng tôi cũng được biết trung tâm thương mại Hồng Vận thành phố Móng Cái do người Trung Quốc xây dựng đã ngừng thi công bởi vì Việt Nam phát hiện phía Trung Quốc đã bí mật đào đường hầm thông qua biên giới, và không biết còn bao nhiêu đường hầm khác mà Việt Nam chưa phát hiện. Không biết lực lượng công an và quân đội những người đã hết lòng vì đảng để ra tay trấn áp các thành phần yêu nước sẽ nghĩ gì trước những việc làm đầy tai hại cho tương lai của đất nước như hiện nay của các nhà lãnh đạo đảng ?

Chúng tôi nghĩ trong thâm tâm của các nhà lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam vẫn biết rằng chế độ cộng sản sẽ không bao giờ phù hợp cho sự đi lên của đất nước, sẽ không bao giờ được sự đồng thuận của toàn dân, sẽ không bao giờ theo kịp trí tuệ của nền văn minh nhân loại. Vì thế cho nên, con cái của họ đều cho đi du học ở các nước dân chủ đa nguyên.

Đồng bào Việt Nam tị nạn cộng sản ở nước ngoài bị đảng cho là phản quốc sau ngày 30-4-1975, hiện nay được đổi thành Việt kiều yêu nước, khúc ruột ngàn dặm của tổ quốc. Số dĩ Việt kiều của chúng ta được như thế là cũng nhờ sống và làm việc ở các nước có nền dân chủ đa nguyên. Trong số gần 3 triệu kiều bào Việt Nam thì hôm nay đã có hơn 300 ngàn người đã thành đạt, thành tài, có rất nhiều người là kỹ sư, tiến sĩ và nhà khoa học nổi tiếng trên thế giới. Hàng năm số tiến sĩ Việt kiều gửi về nước để giúp đỡ thân nhân, làm từ thiện, cất nhà cho người nghèo, xây dựng trường học, cầu cống, giúp điều trị bệnh nhân nghèo... với số tiền rất lớn 9-10 tỷ đôla. Thủ hỏi nếu Việt kiều của ta sống ở các nước theo chủ nghĩa xã hội như Trung Quốc, Bắc Hàn, Cuba thì có được như thế không ? Nguyễn Tiến Trung cũng xuất thân từ gia đình đảng viên cán bộ, nhưng vì ý thức được tình yêu quê hương đất nước cho nên mới chấp nhận dẫn thân.



Tất cả những người tranh đấu cho dân chủ nhân quyền chỉ muốn đảng cộng sản Việt Nam thay đổi tư duy phù hợp với trào lưu văn minh của nhân loại, không ai chủ trương tiêu diệt đảng cộng sản cả. Với thể chế đa nguyên, sự cạnh tranh chỉ là để cùng nhau tiến bộ. Nếu đường lối của đảng cộng sản Việt Nam được toàn dân ủng hộ trong một cuộc bầu cử tự do thì đảng vẫn có quyền lãnh đạo đất nước, cho dù ai nắm quyền thì quân đội và công an vẫn là lực lượng nòng cốt để bảo vệ đất nước và cuộc sống yên lành của người dân. Chúng tôi xin các chiến sĩ quân đội và công an đừng vì miếng cơm manh áo, danh lợi riêng tư mà tiếp tục dấn sâu vào tội lỗi.

Chủ trương của đảng để ra là xã hội công bằng dân chủ văn minh, nhưng thực tế xã hội có công bằng, có dân chủ và có văn minh không ?

Đảng cũng tự hào là đã chiến thắng đế quốc Mỹ, Pháp hùng mạnh nhất thế giới, nhưng thực tế ngày nay nếu không có Mỹ, Pháp và các nước dân chủ đa nguyên giúp đỡ thì Việt Nam bây giờ sẽ ra sao ? Hằng ngày các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam lúc nào cũng ca ngợi Trung Quốc, lúc nào cũng trung thành với 16 chữ vàng và 4 tốt, nhưng trên thực tế Trung Quốc đối với Việt Nam như thế nào thì chắc mọi người đều rõ chúng tôi khỏi cần trung bằng chúng. Đảng cũng chủ trương một nhà nước pháp quyền, nghĩa là không ai có quyền sống trên luật pháp, nhưng thực tế lại âm thầm ký hiệp định dâng đất, dâng biển cho Trung Quốc, âm thầm cho Trung Quốc khai thác quặng bauxite ở Tây nguyên một đại dự án gây nguy hiểm đến sự mất còn của đất nước và cuộc sống của người dân, đặt quốc hội và nhân dân vào chuyện đã rồi. Khi luật sư Cù Huy Hà Vũ kiện thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vì hiến thì không có tòa án nào dám xử. Các quyết định mà thủ tướng Dũng ban hành như : cấm báo chí tư nhân, cấm tập hợp đông người, cấm thành lập các hội đoàn độc lập đều vi phạm Điều 69 Hiến Pháp. Gần đây lại ban hành tiếp Quyết Định 97 không cho các nhà khoa học phản biện công khai, chỉ được phép gửi kiến nghị đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vậy đây có phải là hành động sống trên luật pháp hay không ?

Chúng tôi nghĩ thể chế chính trị dân chủ đa nguyên chưa phải là tốt nhất, nhưng chắc chắn nó sẽ tốt hơn chủ nghĩa cộng sản rất nhiều bởi vì nó đã giới hạn tối đa quyền độc tài, độc đoán và tham nhũng của các cấp lãnh đạo chính quyền, nó cũng phát huy được sức mạnh và quyền làm chủ của nhân dân trong mọi vấn đề của đất nước, cũng như nhân tài của đất nước có đủ điều kiện để phát huy, chớ không phải như sự lãnh đạo của đảng cộng sản Việt Nam hiện nay, chỉ có đảng viên mới được quyền lãnh đạo dù chỉ là một cơ quan thấp nhất. Lúc nào đảng cũng tự hào là được sự đồng thuận của nhân dân, nhưng tại sao lại sợ đa nguyên ?

Hiện nay phong trào đòi lại tên thành phố Sài Gòn do linh mục Nguyễn Hữu Lễ khởi xướng đang trình chiếu phim tư liệu *Sự Thật về Hồ Chí Minh* trên khắp

thế giới, nếu đảng cộng sản Việt Nam có bằng chứng là linh mục Lễ vu khống thì đưa linh mục Lễ ra tòa án quốc tế, còn cứ tiếp tục im lặng hoặc phản bác vu vơ thì có nghĩa việc làm của

linh mục Nguyễn Hữu Lễ là đúng.

Sống trên đời, con người phải chịu cái hậu quả của những việc mà mình đã làm, đó là sự công bằng của nhân-duyên-quả nhưng vì nó vô hình nên chúng ta không thấy. Marx nói : tất cả vật chất trong vũ trụ luôn luôn nguyên vẹn, không thêm mà cũng không bớt, điều này chỉ đúng một phần bởi vì, ngoài vật chất là vật hữu hình nó còn có phi vật chất là thứ mà chúng ta không nhìn thấy, nhưng nó đóng vai trò rất quan trọng cho cuộc đời của chúng ta sau này. Cái gì đã hướng dẫn cho chiếc xe đi từ nơi này đến nơi khác : đó là anh tài xế. Chiếc xe rồi có ngày nó cũng sẽ theo thời gian mà hư hoại không sử dụng được. Nếu trong lúc xe còn tốt mà anh tài xế biết dành dụm tiền thì sẽ mua được chiếc xe khác mới hơn, ngược lại anh sẽ không có xe để sử dụng đành phải đi bộ.

Trở lại con người, những hành động thiện và ác của ngày hôm nay sẽ quyết định cho mai sau. Có thể trong tiền kiếp các nhà lãnh đạo Việt Nam đã làm nhiều việc thiện cho nên ngày nay được hưởng. Nhưng nếu họ không biết tạo nhân lành để còn tiếp tục hưởng lâu dài thì sau này khi hết phúc ăn năn cũng chẳng kịp. Đừng nghĩ tôn giáo là á phiện như lời nói của các ông tổ Marx-Lenin, đừng nghĩ chết là hết để rồi cứ tự do làm hại người khác, bắt người khác phải đi theo những việc làm bất thiện của mình. Nhà ngoại cảm Phan Thị Bích Hằng trước đây cũng xuất thân từ gia đình cán bộ đảng viên không tôn giáo, nhưng hôm nay vẫn phải vào chùa quy y theo Phật. Nhà của cụ tổng bí thư Lê Khả Phiêu bây giờ vẫn thờ Phật, cụ thủ tướng Phạm Văn Đồng (tác nhân ký công hàm dâng Trường Sa-Trường Sa cho Trung Quốc) sau khi về hưu đã vào chùa quy y và hàng ngày ngồi thiền theo Phật,... đó là cái thực tế quá rõ ràng. Cụ thủ tướng Võ Văn Kiệt trong thời gian cuối đời đã nhìn ra được lẽ thật và đã phát biểu rằng : *"đất nước này là của chung, không phải của riêng đảng cộng sản Việt Nam... Trước kia tôi nghĩ yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội, nhưng nay nghĩ lại yêu nước còn có nhiều đường... Quản lý nhà nước mà viện vào những điều chưa hợp lý của luật pháp để truy bức dân là không có đạo lý"*. Nhà ngoại giao kỳ cựu của đảng là ông Dương Danh Dy trả lời với phóng viên Mặc Lâm đài RFA : *"Mất tôi đã từng thấy thế hệ cha anh bị Trung Quốc mang lòng tin ra để đánh lừa, thế hệ của tôi cũng bị Trung Quốc mang lòng tin ra để đánh lừa. Tôi hy vọng và mong rằng thế hệ sau tôi sẽ không mắc những cái nhược điểm đó nữa"*.

Nhưng nếu muốn được như vậy thì chỉ có cách duy nhất là các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam chấp nhận con đường dân chủ đa nguyên để cho toàn dân có quyền tham chính, có quyền tự do định đoạt tương lai của đất nước. Cộng đồng thế giới sẽ không bao giờ bỏ rơi chúng ta. Trung Quốc dù có hung hăng đến đâu đi nữa cũng sẽ không bao giờ dám uy hiếp ta. Hãy nhìn tấm gương của đảo quốc Đài Loan trước bọn người Trung Quốc.

Các chiến sĩ quân đội và công an nên hiểu rằng quý vị là những người trực tiếp thi hành mệnh lệnh của một thiểu số người lãnh đạo trong đảng, trực tiếp mang tội với nhân dân, trực tiếp gieo nhân và trực tiếp nhận quả mà mình đã gieo.

Mọi sự vật trên thế gian này rồi cũng sẽ có ngày hư hoại, không thể trường tồn mãi mãi được. Chỉ có sự thật và sự tiến hoá của xã hội phù hợp theo thời gian mới mãi được trường tồn. Đây mới là chân lý.

Việt Nam, ngày 1-9-2009
Hương Trà cùng nhóm bạn trẻ
(Email : huongtra13@gmail.com)

Ai em ở quọt cỏ !

Ngày xưa khi còn bé, thấy các cụ ngồi nói chuyện, mình chỉ biết ngồi nghe (lòm) và luôn luôn trầm trồ, mắt tròn mắt dẹt...

Bây giờ mình không còn là trẻ con nữa, rồi cũng may được bố mẹ nuôi ăn học hành nghiêm chỉnh, được đi đây đi đó nên cũng có một trình độ nhất định. Do vậy, bây giờ mình nghe một số cụ nói chuyện thì mình không có cái thái độ như trước đây nữa.

Nhiều lần được mời đi ăn uống ở nhà một người quen (nể tình thì đi thôi), ở đó "rặt" các cụ ở lứa tuổi 60 - 65. Rượu vào lời ra, các cụ nói đủ các thứ chuyện trên trời, dưới đất, khoa học - kỹ thuật, thời sự - chính trị ... nghe mà "hãi" quá. Mà các cụ đây đa số là Tây lai, nên tiếng tây tiếng ta cứ xen lẫn với nhau, "cứ dư thể" các bác học Việt Nam đang bàn chính luận, khoa học. Nhưng xem ra các cụ đây chẳng thạo tiếng nào trong cả hai thứ tiếng.

Hãi là vì các cụ toàn nói nhảm. Không phải vì say mà nói nhảm mà vì ngu nên nói nhảm. Kể ra thì hỗn quá khi nói các cụ ngu. Nhưng biết nói thế nào đây vì đó là sự thật hiển nhiên. Và lại bây giờ thời buổi dân chủ rồi (Việt Nam chưa có, nhưng rồi sẽ phải có), bề dưới có quyền phê bình bề trên là ngu chứ.

Người Việt Nam chúng ta có thói quen dễ chấp nhận bề trên mặt sặt bề dưới nhưng bề dưới không được phản ứng mà chỉ được quyền ngồi nghe. Bề dưới ở đây phải hiểu là những người ít tuổi hơn. Có một điều đáng nói nữa là ở đó hôm đó cũng có một vài bề dưới (ngũ, tứ tuần gì đó) nhưng ngu, nên cứ há hốc mồm ra, mắt tròn mắt dẹt, khen các cụ. Được thể các cụ càng tăng tốc.

Người Việt Nam ta có thói quen ăn tục nói phét, dù có dính máu Tây vào rồi nhưng chẳng gột được. Chẳng biết gì cả nhưng cứ nói như thánh, như tướng. Toàn "Ai em ở quọt cỏ" (*), nhưng cứ tưởng mình là thánh. Mình thấy tội cho các cụ quá.

Tự nhiên mình nổi hứng viết ra đây vài dòng để nói với quý vị là cái nhìn của mình với các cụ nói chung nó khác lắm so với lúc mình còn trẻ (con). Hai là để nói với giới trẻ là phải thay đổi cách nghĩ : "không phải lúc nào cũng phải kính cụ, phải nghe các cụ, các cụ cũng có thể ngu". Các cụ trong bàn tiệc đây chỉ nói chuyện khơi khơi, chẳng chết thẳng nào. Nhưng nếu để các cụ ngu này nắm chính quyền, áp đặt cho dân những chuyện dở hơi, rồi cậy thế bề trên để trấn áp các bề dưới, thì chỉ có chết. Nói chết thì chắc hơi quá, có lẽ chỉ ngắc ngoải, hay hết hơi. Nhưng thế thì mới chết.



Trần Tiêu

(*) *I'm a worker* (Ở Việt Nam có một thời mọi người đua nhau đi học tiếng Anh, có người học cả năm trời nhưng chỉ nói được mỗi một câu đó)

Tương lai nào cho Tây Nguyên ?

Nguyễn Văn Huy

Chưa bao giờ đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam bối rối với những dự án khai thác bauxite trên Tây Nguyên như hiện nay. Số người ủng hộ thì ít hơn số người chống đối. Dự luận trong và ngoài nước không ngừng cảnh báo hậu quả tai hại của những dự án này, kể cả những đảng viên và cán bộ cáo cấp trong guồng máy cầm quyền. Những cố gắng giải thích của chính quyền đã không thuyết phục được ai, dự luận trong và ngoài đảng còn lo sợ trong tương lai Tây Nguyên lọt vào tay Trung Quốc, ba nước Việt Miên Lào sẽ bị đặt dưới quyền khống chế của Trung Quốc như những chư hầu.

Tại sao đảng và nhà nước cộng sản bất chấp mọi cảnh báo và cho các công ty nước ngoài tiến hành khai thác bauxite trên Tây Nguyên ? Có nhiều lý do để giải thích, nhưng tất cả đều vì những mục tiêu tốt đẹp chứ cho Tây Nguyên chứ không phải vì những áp lực đến từ bất cứ thế lực nào như nhiều người lầm tưởng. Không một người Việt nào, nhất là những người lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay, chấp nhận bị sai khiến bởi ngoại bang. Quyết tâm tiến hành khai thác bauxite trên Tây Nguyên xuất phát từ sự bế tắc định hướng phát triển.

So với các tỉnh và thành phố đồng bằng, khả năng phát triển và mức sống của dân chúng trên Tây Nguyên rất thấp, nếu không muốn nói là số không. Tài nguyên duy nhất có thể khai thác được là gỗ rừng và các đồn điền cao, trà, cà phê và hồ tiêu để xuất khẩu, đây là những sản phẩm thô sơ thuộc lãnh vực thứ nhất, trị giá kinh tế rất thấp. Vấn đề là ngày nay gỗ rừng đã cạn kiệt trong khi giá cao su, trà, cà phê và hồ tiêu chịu ảnh hưởng nặng nề của cạnh tranh quốc tế ngày càng giảm, lợi tức thu về đôi khi không đủ để trang trải những chi phí sản xuất. Hơn nữa lợi tức do những hàng hóa này mang lại không dùng để nâng cao mức sống dân chúng trong vùng mà vào tay những người có phương tiện : các cấp lãnh đạo đảng và quân đội.

Cũng nên biết, từ 1975 đến nay, Tây Nguyên được xếp vào hạng địa bàn quốc phòng trọng yếu, đặt dưới quyền quản trị trực tiếp của quân đội. Như mọi người đều biết, nhiệm vụ của quân đội là bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ chứ không phải để làm kinh tế, sau gần 35 năm cai quản sinh hoạt kinh tế của Tây Nguyên lâm vào bế tắc, không ai tìm thấy ánh sáng ở cuối đường hầm, ngoài bauxite. Do đó khi được các công ty nước ngoài đề nghị thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản dưới lòng đất, như bắt được phao cứu cứu trong cơn nguy ngập, các cấp lãnh đạo cộng sản trung ương liền chấp nhận. Không riêng gì bauxite, nếu có mỏ vàng, bạc, đá quý hay uranium... họ cũng sẵn sàng cho người nước ngoài vào khai thác để vượt qua bế tắc.

Sự trúng thầu của công ty Chalco, thuộc nhóm Chinalco (một đại công ty quốc doanh Trung Quốc), có lẽ là một tình cờ nhiều hơn là cố ý. Lý do trúng thầu của Chalco rất giản dị, họ biết cách đưa phong bì đúng người, đúng chỗ và đúng thời điểm và nhất là... biết hứa hẹn. Nhà thầu Trung Quốc hứa sẽ xây dựng và tân trang lại hạ tầng cơ sở để vận chuyển hàng hóa. Về phía đảng và quân đội, có lẽ trong những thỏa thuận ban đầu họ không nghĩ tới tính chiến lược của khu vực Tây Nguyên ; cho đến khi Chalco trúng thầu, công nhân Trung Quốc được đưa vào khai thác, sự lo sợ bắt đầu lộ dạng, nhưng đây không phải là mục đích của bài này.

Như vậy ngoài khai thác bauxite, có dự án phát triển nào tốt đẹp hơn cho Tây Nguyên ? Có nhưng rất ít, nếu không muốn nói chỉ có một, đó là du lịch. Người ta sẽ rất ngạc nhiên trước nhận định chắc nịch này, nhưng đây không phải là một phát biểu duy ý chí, có rất nhiều lý do giải thích.

Một cách giản lược, Tây Nguyên là một vùng đất nghèo, cảnh vật thiên nhiên không nhiều và không đẹp (nếu so với những thắng cảnh của những quốc gia nhiệt đới khác trên thế giới). Rừng thiên nhiên đã bị tàn phá gần như cạn kiệt, canh tác nông nghiệp vô tổ chức càng làm xấu đi khung cảnh thiên nhiên, nhất là nhìn từ trên không. Thêm vào đó, hệ thống hạ tầng cơ sở đường sá, điện nước và phương tiện truyền thông vừa ít vừa lạc hậu. Yếu tố có thể hấp dẫn khách du lịch là nơi sinh trú của những sắc dân bản địa, người Thượng, nhưng sự viếng thăm những khu vực này còn rất hạn chế vì lý do chính trị. Các cấp chính quyền địa phương lo sợ cộng đồng người Thượng khi tiếp xúc với du khách nước ngoài sẽ tố cáo những biện pháp phân biệt đối xử với người thiểu số. Dịch vụ du lịch chưa đáp ứng đúng nhu cầu quốc tế, nghĩa là sạch sẽ, vệ sinh và tiện nghi ; đó là chưa nói đến cơ sở hạ tầng còn rất thô sơ, lạc hậu chưa thích nghi với yêu cầu của khách du lịch đầu thế kỷ 21. Nói tóm lại, muốn phát triển du lịch trên Tây Nguyên, chính quyền và dân chúng địa phương cần phải làm rất nhiều cố gắng để xây dựng cơ sở hạ tầng thu hút người đến. Khác với khai thác bauxite, du lịch là một nguồn lợi lâu dài, có thể tái tạo và tái sinh mãi mãi với thời gian mà không làm hủy hoại môi trường. Hơn nữa, nó còn tạo ra công việc làm cho hàng triệu dân cư địa phương, không cần sự can thiệp của chính quyền.

Bauxite sẽ đến một ngày bị cạn kiệt vì trữ lượng giới hạn, lợi tức thu được chỉ đảng và nhà nước thu được hưởng, dân chúng địa phương không được gì vì đa số công nhân được tuyển dụng trực tiếp là người nước ngoài. Đó là chưa kể nguy cơ môi trường bị hủy hoại do chất độc từ các nhà máy thanh lọc alumin thải ra, sự phục hồi phải tính bằng thế kỷ. Lợi tức mang lại do khai thác cây công nghiệp (cao su, trà, cà phê, hồ tiêu) chỉ dành riêng cho những người có tư bản, đất đai, cơ xưởng và máy móc. Lợi tức mang lại do khai thác dịch vụ khách sạn, ăn uống và di chuyển cũng chỉ dành riêng cho những người có phương tiện. Nói tóm lại, trong điều kiện hiện nay, chỉ một thiểu số rất nhỏ người có phương tiện thụ hưởng được những lợi tức do Tây Nguyên mang lại, đại đa số quần chúng còn lại tiếp tục sống trong nghèo khó. Nếu thay đổi được phong cách sinh hoạt sơ cứng này và ích kỷ này, bộ mặt Tây Nguyên sẽ thay đổi hẳn, phần vinh sẽ xuất hiện và hạnh phúc không còn là một ao ước.

Muốn phát triển du lịch trên Tây Nguyên, các cấp lãnh đạo địa phương phải biết kiên nhẫn và bao dung. Kiên nhẫn vì những lợi ích do du lịch mang lại sẽ không một sớm một chiều có được, thời gian chờ đợi ít nhất từ 3 đến 5 năm sau khi những cơ sở hạ tầng đã xây dựng xong để đón nhận khách du lịch. Bao dung là chấp nhận để dân chúng địa phương chia sẻ nguồn lợi tức do du lịch mang lại, các chính quyền địa phương sẽ không còn độc quyền khai thác du lịch. Phải để cho dân chúng tự do phát huy sáng kiến và ý kiến để lôi kéo sự chú ý của khách du lịch qua hàng hóa và dịch vụ độc đáo với hy vọng họ sẽ trở lại.

Trong chiến lược phát triển này, không một địa phương nào bị bỏ rơi và cũng không một khu vực nào bị hạn chế. Mỗi khu vực có quyền khai thác nét độc đáo của mình để hấp dẫn khách du lịch, nghĩa là qua sinh hoạt văn hóa, hàng hóa thủ công và dịch vụ. Trừ những khu vực quốc phòng, khách du lịch có quyền đi khắp nơi để giao dịch và thăm viếng.

Phát triển như thế nào? Tự phát hay có định hướng?

Những dự án tự phát chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, và do tình cờ nhiều hơn là có chuẩn bị. Ngược lại muốn phát triển lâu dài phải có định hướng, tất cả mọi dự án đều phải được nghiên cứu và chuẩn bị kỹ càng, nhất là ngành du lịch, một dịch vụ rất mới đòi hỏi những kỹ thuật tranh thủ khách du lịch một cách tinh vi. Thêm vào đó, sự cạnh tranh giữa những quốc gia nghèo có tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế cao sẽ rất gay gắt. Những cơ quan lý hành quốc tế có thể giúp các chính quyền địa phương thiết lập những phương án phát triển du lịch thích hợp với địa phương của mình. Vấn đề là chọn cơ quan lý hành nào, vì quá nhiều. Cách hay nhất là chọn những cơ quan lý hành đã quốc gia có kinh nghiệm xây dựng những trung tâm du lịch, nhưng không nên đặt thước đo quá cao như chỉ dành riêng cho khách có tiền vì Tây Nguyên không có khả năng thu hút khách du lịch đồng đẳng như tại các vùng bờ biển.

Nhìn lại cấu trúc địa hình 5 tỉnh Tây Nguyên, Lâm Đồng và Đắk Lắk có lẽ là hai tỉnh có tỷ lệ phát triển cao hơn ba tỉnh còn lại: Kontum, Pleiku-Giarai và Đắk Nông.

Lâm Đồng nổi tiếng với Đà Lạt, một thành phố do người Pháp thành lập để những người Pháp làm việc tại đồng bằng lên nghỉ hè nếu không về mẫu quốc. Ngày nay khung cảnh thiên nhiên của Đà Lạt đã bị hủy hoại khá nhiều do nạn xây dựng nhà cửa vô qui hoạch, chính quyền địa phương đã làm nhiều cố gắng duy trì bản sắc thơ mộng của ngày xưa nhưng Đà Lạt chỉ có thể hấp dẫn khách du lịch loại trung bình, cần xây dựng một Casino lớn để thu hút khách quốc tế. Thị xã Bảo Lộc, nổi tiếng với những đồn điền trà, các trại chăn nuôi tầm và thác Dambri, có nhiều tiềm năng du lịch nhưng chưa bao giờ được khai thác: có thể xây dựng những khu du lịch qui mô lớn như khách sạn trong khuôn viên các đồn điền tại Bảo Lộc, Di Linh, những khu cắm trại tập thể đầy đủ tiện nghi quanh thác nước, sông hồ và tổ chức tham quan nơi sinh trú của các sắc tộc thiểu số người Thượng và những thắng cảnh thiên nhiên trong rừng sâu, nhất là những mật khu cũ, khu chăn nuôi tầm và chế biến tơ.

Đắk Nông là một tỉnh mới, được thành lập năm 2004. Có thể nói đây là tỉnh nghèo nhất trên Tây Nguyên vì nguồn lợi duy nhất là nông nghiệp với các đồn điền cà phê, nay có thêm quặng bauxite đang được chính quyền mời gọi các công ty nước ngoài đến khai thác. Mặc dù có một vài thắng cảnh thiên nhiên đáng chú ý như thác Ba Tầng, Diệu Thanh, Trinh Nữ, dịch vụ du lịch hoàn toàn xa lạ đối với mọi người. Lý do là tỉnh này chỉ toàn đất đỏ, núi rừng hoang sơ, những đồn điền cà phê, canh tác manh mún, nhà cửa nghèo nàn không theo một tiêu chuẩn kiến trúc nào. Hệ thống di chuyển còn thô sơ và ít, do đó phải xây dựng thêm nhiều đường sá mới. Yếu tố thu hút khách du lịch là Ngã Ba Tam Biên, nơi giáp ranh giữa 3 nước thời Pháp thuộc: Cao Miên, Nam Kỳ và Trung Kỳ, và những buôn làng của người Ê Đê nằm giữa các khu rừng nguyên sinh, cạnh đường mòn Hồ Chí Minh và những mật khu cũ. Cần xây dựng nhiều khách sạn nhỏ loại tiết kiệm, đặc biệt là các loại khách sạn kiểu nhà sàn giữa các buôn làng với những tiện nghi tối thiểu (điện nước) để thu hút khách du lịch thích phiêu lưu và khám phá.

Đắk Lắk có diện tích lớn thứ hai trên Tây Nguyên, sau Pleiku-Gia Lai. Nguồn lợi chính của tỉnh này là cà phê, cao su, hồ tiêu và thủy điện; Buôn Ma Thuột là thủ phủ của tỉnh được coi là thủ đô cà phê của Việt Nam. Thắng cảnh chính của tỉnh là sông hồ và thác nước: các hồ Lak (500 ha), Ea Kao, Ea Nơ và Ea Đôn, các thác Thủy Tiên (Dray Sap), Krông Bông, làng Bản Đôn với đàn voi thuần dưỡng... Những thắng cảnh phụ là di thuyền trên sông Bla, tháp Yang Prong và những kiến trúc thời Pháp thuộc còn để lại (dinh Bảo Đại, nhà tù). Tiềm năng du lịch tại đây vẫn còn nguyên vẹn vì chưa được khai thác đúng mức, lý do là Buôn Ma Thuột là bản doanh của quân đội trên Tây Nguyên nên nhiều nơi còn bị cấm. Mặc dù thiên nhiên của tỉnh còn khá trù phú, với những rừng nguyên sinh còn nguyên vẹn, hệ thống hạ tầng của tỉnh còn rất yếu kém, trang thiết bị của phi trường Buôn Ma Thuột còn quá lạc hậu chưa thể tiếp nhận những chuyến bay dân sự lớn, đường vào hai khu dự trữ quốc gia Yokdon và Nam Cát Tiên rất khó, thiếu vắng hệ thống khách sạn qui mô lớn. Tỉnh cần rất nhiều đầu tư để xây dựng lại hệ thống đường sá và điện nước để thu hút du khách, đặc biệt là các trạm y tế tại các vùng xa và một bệnh viện tầm vóc quốc tế. Khuyến khích dân địa phương và các sắc tộc thiểu số sản xuất họ thủ công.

Pleiku-Gia Lai, do sự kết hợp của hai tỉnh Pleiku và Jarai, nơi sinh trú của người Jarai, là tỉnh có diện tích lớn nhất trên Tây Nguyên. Thắng cảnh thiên nhiên chính của tỉnh này là Biển Hồ, (thác Yaly không còn nữa vì nguồn nước đã bị chuyển về đập thủy điện mang cùng tên). Hệ thống hạ tầng cơ sở của tỉnh còn rất yếu kém, cần xây dựng lại toàn bộ. Mặc dù có rất nhiều thắng cảnh và điểm du lịch đáng thăm viếng, dịch vụ du lịch của tỉnh hầu như không có. Hệ thống khách sạn thiếu vắng một cách trầm trọng, tỉnh cần xây dựng rất nhiều khách sạn kiểu nhà sàn để thu hút du khách, và nếu có thể xây dựng cạnh những nơi sinh trú của người Jarai để nâng cao mức sống của cộng đồng này qua các dịch vụ mang lại. Đặc điểm của các làng Jarai là nghĩa trang được trang trí bằng những hình tượng bằng gỗ. Nên tổ chức những chuyến viếng thăm các di tích chiến tranh cũ như căn cứ Dakto, Tumorong, Charlie, đồi Hamburger.

Kontum là tỉnh phía Bắc trên Tây Nguyên, trước kia là địa bàn truyền giáo của các giáo sĩ Pháp dành riêng cho người Bana. Nơi đây có rất nhiều di tích hấp dẫn khách du lịch: nhà thờ chánh tòa xây dựng theo kiểu nhà sàn, các làng người Thượng Bana, Giê Triêng, Brâu, Romăm... Tiềm năng du lịch tại đây vẫn còn nguyên vẹn, cần khai triển. Tỉnh cần rất nhiều khách sạn lớn xây dựng theo kiểu nhà sàn có thể đón nhận của đoàn du khách đến bằng xe buýt. Di tích đường mòn Hồ Chí Minh cần được tân trang lại để thu hút những du khách thích trekking.

Nói tóm lại, chính quyền cộng sản hiện nay đã làm nhiều cố gắng để phát triển du lịch trên Tây Nguyên nhưng vì thiếu phương pháp nên chưa đạt những kết quả mong muốn. Ngành du lịch trung ương cần tổ chức đào tạo hàng chục ngàn hướng dẫn viên du lịch, huấn luyện thêm hàng trăm đoàn ca múa dân tộc, cải tạo lại hàng ngàn buôn làng người thiểu số thành những địa điểm để đón nhận khách du lịch. Phải chú ý đến sức khỏe và điều kiện vệ sinh của du khách, giáo dục quần chúng tôn trọng nhân phẩm khách du lịch để tránh bị bỏ rơi, họ là một nguồn lợi lâu dài nếu biết gìn giữ. Nhưng quan trọng hơn hết là biến những nghĩa trang của binh sĩ hai miền Nam Bắc thành những di tích để viếng thăm, đó là những bảo tàng của sự bao dung, nơi tôn trọng nhân phẩm những người đã chết.

Nguyễn Văn Huy

Phan tội

Chiến dịch "thú tội truyền hình", do sáng kiến của trung tướng Vũ Hải Triều và thiếu tướng Hoàng Kông Tư, đã đạt kết quả vượt mọi chờ đợi.

Cuốn phim "Nhận Tội" tập 1 với Lê Công Định đã gây ấn tượng mạnh, tập 2 với Lê Công Định, Trần Huỳnh Duy Thức, Nguyễn Tiến Trung và Trần Anh Kim lại càng thành công hơn. Nó đã có giá trị giáo dục và gợi ý mãnh liệt, tạo ra một phong trào toàn dân nhận tội, cả nước ăn năn.

Ngay sau đó, một số người đã đến trụ sở công an phường, xã khai rằng trong lúc nói chuyện với gia đình và bè bạn họ đã vô tình tuyên truyền chống nhà nước vì đã phê phán chính quyền là tham nhũng, chỉ biết vợ vét, cướp đất của dân oan, hèn nhát trước Trung Quốc ; họ thấy hối hận và tình nguyện lên truyền hình nhận tội. Công an đã rất bối rối trước hiện tượng chưa từng có này và không biết phải xử lý ra sao. Trong đa số các trường hợp, công an trấn an người thú tội là cứ yên tâm khắc phục khuyết điểm là đủ, đảng và nhà nước chỉ trừng trị những kẻ sai mà không chịu sửa sai. Có nơi công an còn nói không sao, những điều đó ai mà chẳng nói.

Tuy vậy quần chúng vẫn chưa yên tâm và vẫn muốn lên TV nhận tội. Họ kéo đến trụ sở công an ngày càng đông và khai những tội tuyên truyền chống nhà nước ngày càng nghiêm trọng. Có nơi công an hoàn toàn tê liệt, toàn bộ lực lượng được huy động chỉ để nghe nhân dân nhận tội. Họ xin ý kiến của cấp trên. Bộ công an nhận định rằng đây là cơ hội lý tưởng để phát hiện những phần tử xấu và nắm vững tình hình an ninh chính trị. Chỉ thị được đưa xuống các địa phương là thay vì tiếp từng người nên tập trung tất cả những người muốn nhận tội để họ thay phiên nhau tự khai những sai phạm. Toán công an thu hình khuyến khích họ khai báo thật chi tiết đã dả kích đảng và nhà nước như thế nào, với ai và đã nghe những ai dả kích đảng và nhà nước thế nào. Sau mỗi ngày làm việc các video nhận tội được chuyển về Tổng Cục An Ninh Nhân Dân, còn gọi là Tổng Cục 1, qua mạng Internet. Chỉ thị nói tiếp : "để khuyến khích nhân dân tích cực tố giác và tự tố giác, cần nhấn mạnh rằng không phải ai cũng được lên TV ; khả năng lên TV tùy thuộc ở cả mức độ nghiêm trọng của sai phạm lẫn sự thành khẩn của người nhận tội".

Tình hình sau đó triển khai rất nhanh. Người người thi đua nhận tội và thi đua thành khẩn để được lên TV. Kết quả rất là khích lệ. Nhiều người thú nhận rằng trong suốt thời gian qua họ luôn mồm chửi đảng là quân ăn cướp, là bọn mặt người dạ thú, bóc lột dân nghèo, liếm gót giầy bọn bành trướng Bắc Kinh ; chửi các cấp lãnh đạo đảng là ngu dốt, sài bằng giả, gian ác, lưu manh. Nhiều người còn khai họ đã chửi tổng bí thư Nông Đức Mạnh, chủ tịch Nguyễn Minh Triết, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng là ngu si dần dộn, ăn bẩn, vô tư cách, dâm ô, mê tín. Nhiều người khác thú nhận đã tiết lộ chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ học tới lớp 7, sang Pháp không phải để du học mà để làm bồi, xin vào học trường Thuộc Địa để ra làm tay sai cho Pháp không được mới



MỤC LỤC

- 01. Cán cân lực lượng bắt đầu lệch về phía khác
Thông Luận
- 02. Một chế độ cộng hòa xã hội đen ?
Nguyễn Gia Kiểng
- 05. Lại chuyện Tam Tòa !
Phanxicô Terêsa
- 06. Giang-Hổ, một liên minh quyền lực đáng quan ngại
Nguyễn Minh
- 08. Ngày độc lập, nghĩ về độc lập tư duy
Phạm Hùng Sơn
- 11. Phải nhìn cho ra sự thật !
Hương Trà
- 13. Ai em ở quot cơ !
Trần Tiểu
- 14. Tương lai nào cho Tây Nguyên ?
Nguyễn Văn Huy
- 16. Nhận tội
Đầy

quay ra theo Liên Xô, đem cái chủ nghĩa cộng sản mắc dịch về làm khổ nhân dân Việt Nam, suốt đời lừa đảo, lấy bà Tăng Tuyết Minh rồi không dám nhận, thông dâm với cô Nông Thị Xuân có con rồi thủ tiêu, bán cụ Phan Bội Châu cho mật thám Pháp, dùng hai bút hiệu Trần Dân Tiên và T. Lan để tự tâng bốc mình ; đúng là một tên lưu manh hạ cấp, lừa thầy phản bạn, giết vợ, bỏ con.

Ban công tác Tổng Cục 1 bị tràn ngập vì những video gửi về, cuối cùng vẫn chưa lập nổi danh sách những người có vấn đề bởi vì, theo cục công an khoa học, kết quả của việc áp dụng kỹ thuật thống kê và xác suất trên các video gửi về cho thấy hầu như người Việt Nam nào cũng tuyên truyền chống đảng, kể cả các đảng viên cao cấp.

Giữa lúc bộ công an đang bối rối thì phong trào tự nguyện nhận tội lại lây lan sang giới trí thức. Theo một nguồn tin đáng tin cậy thì ba ông Lê Hồng Hà, Nguyễn Thanh Giang và Hà Sỹ Phu đã viết thư thú tội gửi cho đại tướng bộ trưởng công an Lê Hồng Anh. Ông Lê Hồng Hà thú nhận rằng ông đã nói chủ nghĩa Mác-Lênin là dở hơi, đã kêu gọi các đảng viên tự tách ra khỏi đảng và đã công khai phát biểu lòng mong ước thấy đảng cộng sản tự tan vỡ vì nhận thấy đảng vừa độc hại cho đất nước vừa hết thuốc chữa. Ông Hà Sỹ Phu nhận tội đã ví đảng với lũ chó hay một đồng bùn tanh hôi ; ông cũng đã từng giải thích là đảng cộng sản chỉ có thể thi hành chính sách ngu dân bởi vì chính nó ngu. Ông Nguyễn Thanh Giang khai là đã tiếp xúc rất nhiều với nước ngoài và mỗi lần đều tố giác nhà nước vi phạm nhân quyền ; ông cũng đã viết rất nhiều bài báo đánh giá các cấp lãnh đạo cộng sản là bọn mặt dầy mặt hạng, ăn bẩn, vô liêm sỉ, đồng thời cổ võ cho đa nguyên đa đảng. Cả ba đều xin được lên TV để khai rõ với toàn dân những sai phạm của mình. Nguồn tin cũng cho hay không phải chỉ có ba ông này mà hàng ngàn trí thức khác cũng đang xin được lên TV nhận tội.

Đầy